

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 5

Thiên thứ 4: LỤC ĐẠO

Lục đạo này có 6 bộ.

I. Bộ thứ 1: CHỮ THIÊN

Gồm có 4 phần: Thuật ý, Hội danh, Thọ khổ, Báo tạ.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Luận về Thiên báo: Thức lại phù hoa, trang sức lung linh, hình dung lả lướt. Dù ở trên trời tự tại, cũng chỉ là chốn ma cung, đắm chìm trong định vô tướng, vẫn trở thành chỗ ngoại đạo. Dấu siêu việt tận đỉnh Tứ không, tà kiến chứa chất không ít, hoặc ngao du trong cõi Lục dục, mê hoặc kết tập nặng nề. Nếu chẳng thọ trì Bát nhã, quy hướng Niết bàn, kiêu mạn tăng thêm, ngã nhân càng mạnh. Bởi thế, mũ hoa trên đầu héo úa. Mồ hôi trong nách thấm chần. Điện ngọc vụt tắt hào quang, áo trời đọng dần cấu bẩn. Nhờ tĩn tâm này, đều sám hối trọn. Lại cùng khắp tất cả chư Thiên Tứ thiên vương, Đạo lợi, Đâu suất, Dạ ma, Hóa lạc, Tha hóa, Phạm vương, Phạm phụ, Quang Âm, Biến tịnh, Quảng quả, Na-hàm, Bất phiền, Bất nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi phi tướng xứ. Thậm chí, ngang cùng các cõi, dọc khắp trời cao. Hoặc có vị ngồi lạng giữa đài hoa hầu vượt qua kiếp số, điều tâm trên điện ngọc, chớp mắt hóa thiên thu. Nguyện cầu áo quý không rời khỏi Thiên nhân, Thiện pháp đường luôn chờ du thưởng. Dứt bỏ đờn đau ly biệt, xóa tan gian khổ chiến tranh. Xa hẳn ngũ suy, thường giàu thất bảo. Trang nghiêm sắc tướng, sáng láng dung nghi. Là mãi khổ nhân, bước lên lạc quả.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Hỏi: “Sao gọi là Lục thú?”. Theo luận Tỳ-đàm nói: “Thú gọi là đến, cũng gọi là đường (đạo). Nghĩa là nghiệp thiện ác ấy, nhân đường

ấy, thường chuyển sinh vào cõi ấy, nên gọi là thú. Cũng có nghĩa là tùy theo nghiệp tạo tác mà vào cõi ấy, nên gọi là thú. Thú cũng có nghĩa là hướng về, nghĩa là theo nghiệp tạo tác mà sinh vào cõi Trời, thậm chí đọa xuống địa ngục”. Hỏi: “Há chỉ có sáu đường này, liệu còn đường khác không?”. Đáp: “Theo lập luận một nhà thì chỉ có sáu đường, không thêm bớt. Nếu theo kinh Lâu Thán thì lại có chín đường, trong đó, chúng sinh cùng chung sống. Một là đường Bồ tát, hai là đường Duyên giác, ba là đường Thanh văn thêm vào sáu đường nói trên. Đem phàm Thánh ở chung để giáo hóa nhau vậy”. Như luận Bà-sa giải thích: “Thiên là quang minh chiếu diệu, nên mới gọi là thiên. Hơn nữa, thiên là điên, điên là trên đỉnh. Khắp trong vạn vật, chỉ có trời ở trên đỉnh, nên gọi là điên. Lại nữa, thiên là hiển, hiển nghĩa là hiển hiện trên cao, khắp trong vạn vật, chỉ có trời là cao nhất, hiển hiện trên cao, che phủ mọi nơi, nên mới gọi là hiển”.

Hỏi: “Vì sao đường ấy gọi là thiên?”. Đáp: “Trong các đường, đường ấy hơn hết, vui nhất, tốt đẹp nhất, cao nhất, nên mới gọi là đường Trời” (Thiên thú). Có người bảo: “Nhờ trước đây tạo tác thêm các hạnh tốt về thân, ngữ, ý nên chuyển về đường ấy, sinh vào đường ấy, khiến đường ấy liên tục không hết, nên gọi là đường Trời”. Có người lại bảo: “Hào quang tăng lên, nên gọi là Trời”. Vì hào quang tự nhiên của vị ấy thường chiếu diệu suốt ngày đêm. Kẻ luận tỏ tường nói: “Thường chiếu rõ nên gọi là thiên. Vì lấy quả hiện tại tốt đẹp chiếu rõ nhân tu tập trước đây. Lại nữa, vì hý lạc nên gọi là thiên. Vì thường du hý, hưởng lạc nhiều hơn hết”.

Hỏi: “Hình tướng chư Thiên ra sao?”.

Đáp: Hình tướng đứng thẳng lên.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: Đều nói tiếng Thánh. Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Trời tên Đề bà, nghĩa là làm nhân thiện, được sinh vào đường ấy, nên gọi là Đề bà”.

Nay bàn sơ lược về hình tướng báo thân của chư Thiên: chư Thiên đều không có xương thịt, cũng không có đại, tiểu tiện dơ uế. Thân phóng hào quang, không kể đêm ngày. Hưởng phước báo ngũ thông, không bị chướng ngại. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Giống như trong một nhà có đến năm trăm ngọn đèn, ánh sáng không hề chen lấn, che lấp nhau. Trong bàn tay chư Thiên, dù có năm trăm chư Thiên cũng đứng, cũng y như thế, không chật chội, không trở ngại nhau”. Hơn nữa kinh ấy còn nói: “Trời Dạ ma ấy, hoặc có trăm vị, hoặc có một ngàn

vị, cùng nhau tụ họp ngồi lên trên một cọng nhị sen, cũng không trở ngại, không hẹp hòi, không chật chội. Nhờ vào thiện nghiệp, nhờ vào tự nhiên của mình”. Lại nữa, luận Trí Độ nói: “Sáu chục chư Thiên của Trời Biến tịnh thứ ba cùng ngồi trên đầu một mũi kim để nghe thuyết pháp, không hề đụng chạm, không hề chật chội”. Lại nữa, kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Bấy giờ, Thiên vương Dạ Ma vì chư Thiên, nói kệ rằng:

*“Nếu người tâm niệm Phật,
Gọi là Người thiện mạng.
Vì không rời niệm Phật,
Gọi là Mạng trong mạng.
Nếu người tâm niệm Pháp,
Gọi là Người thiện mạng.
Vì không rời niệm Pháp,
Gọi là Mạng trong mạng.
Nếu người tâm niệm Tăng,
Gọi là Người thiện mạng.
Vì không rời niệm Tăng,
Gọi là Mạng trong mạng”.*

Lại nữa, trong Trời Dạ ma có ba vị đại sĩ thường thuyết pháp giúp cho chư Thiên phóng túng. Là ba vị nào? Một là Dạ ma Thiên vương Mâu tu luân đà Bồ tát. Hai là Thiện thì Nga vương Bồ tát. Ba là Chủng chủng trang nghiêm Khổng tước vương Bồ tát. Ba vị đại sĩ này thường vì mục đích lợi tha mà thuyết pháp, khiến cho có vị hoặc chứng được quả Thanh văn, có vị hoặc chứng được quả Duyên giác.

Thứ ba: PHẦN THỌ KHỔ

Nay thuật lại các kinh nói đầy đủ về các khổ của Thiên thú. Trước tiên, nói rõ các loại khổ ở sắc giới và vô sắc giới. Cõi thượng giới tuy hơn hết, nhưng vẫn có khổ nhỏ, nên luận Thành Thật nói: “Trong hai cõi thượng giới, tuy không có khổ lớn, nhưng vẫn có khổ nhỏ”. Làm sao biết được điều này? Trong cõi Tứ Thiên, nghe nói có bốn thứ hành, trụ, tọa, ngọa. Còn có bốn thứ ấy, nên đều còn có khổ. Lại nữa, trong sắc giới có nhãn, nhĩ, thân, thức. Ngay trong thức này, còn có các thọ, gọi là khổ lạc. Từ một uy nghi, mong ước một uy nghi khác. Nói mong ước một uy nghi khác, thì biết là có khổ. Lại không biết lý giải yêu đắm quả báo, đã nhận nên khi mất rất khổ, như trong kinh nói: “chỉ có kẻ đắc đạo, khi sắp mệnh chung, mới không có vẻ lo âu đau khổ”. Nay đã là phàm,

há không có ưu khổ? Trong luận nói không khổ, vì khổ tướng nhỏ, nên mới nói không. Giống như ăn một chút ít muối, liền nói là không mặn. Chẳng phải đều chỉ có lạc mà không có khổ. Do trên thượng giới, hỷ lạc lặng lẽ, không hiện rõ ra, không bộc phát thành tham lam, sân hận thô thiển, nên mới nói là không khổ không lạc. Lại không có các khổ do chiến tranh gây ra, nên mới nói là không khổ. Thực ra, chẳng phải là không có khổ nhỏ, thế nên kinh Niết Bàn có nói: “Thế gian tuy có vườn rừng thật diệu thanh tịnh, nhưng trong đó còn có xác người vùi lấp nên không trong sạch được. Mọi người đều cùng rời bỏ, không sinh lòng yêu thích. Sắc giới cũng thế, tuy có thanh tịnh tuyệt diệu, nhưng còn có thân, nên chư Phật và Bồ tát đều cùng rời bỏ. Nếu không quán được như thế, không gọi là tu thân”.

Hơn nữa, kinh Pháp Cú Dụ nói: “Có bốn Tỳ-kheo ngồi dưới tàn cây, cùng nhau vấn nạn: Hết thấy thế gian, cái gì khổ nhất? Một vị nói: “Khổ trong thiên hạ, không hơn gì dâm dục”. Một vị nói: “Khổ trong thiên hạ, không gì hơn đói khát”. Một vị nói: “Khổ trong thiên hạ, không gì hơn sân hận”. Một vị nói: “Khổ trong thiên hạ, không gì hơn sợ hãi”. Bốn vị cùng nhau tranh luận ý nghĩa của khổ, thao thao không ngừng. Phật hay được chuyện, bước đến chỗ ấy, hỏi các Tỳ-kheo: “Các ông vừa bàn luận chuyện gì?”. Bốn vị đứng lên làm lễ, thưa rõ đầu đuôi. Phật bảo: “Này các Tỳ-kheo, điều các ông bàn luận không đạt cứu cánh của nghĩa khổ. Khổ trong thiên hạ, không gì hơn có thân. Tất cả các tai họa đói khát, nóng lạnh, sân hận, sợ hãi, dâm dục, oán hận đều do có thân mà ra. Thân là cội gốc của mọi cái khổ, là đầu mối của mọi hoạn nạn. Lao tâm khổ tứ, lo sợ muôn bề. Ba cõi máy đồng, tàn sát lẫn nhau. Nhân ngã trói buộc, sinh tử không ngừng. Tất cả đều do có thân mà sinh ra cả. Muốn lìa cái khổ của thế gian, phải cầu mong tịch diệt, nắm tâm giữ chính, lặng lẽ hư vô, mới có thể đạt tới Niết bàn. Đó là điều an vui bậc nhất. Thế nên, chưa đạt Thánh trí, diệt bỏ xác thân trong Tam giới này, làm sao không khổ?”.

Hỏi: “Sắc giới có thân thì có khổ đã đành, vô sắc giới không có hình hài, khổ thọ làm sao sinh ra?”. Đáp: “Quả báo ở đây tinh vi, kẻ phàm phu nhỏ bé không thể thấy được. Tuy không có tướng thô lớn, nhưng không phải không có sắc tế vi”. (Bàn luận sâu rộng về chuyện có không, sẽ nói đầy đủ ở chương khác). Thế nên, luận Trí Độ nói: “Hai cõi trên thượng giới, khi chết đi hay thoái vị, thường sinh ra buồn bã nhiều hơn ở hạ giới, ví như càng cao rớt xuống càng tan nát”. Lại nữa, luận Thành Thật nói: “Khổ lạc theo thân, lên đến Tứ Thiên, ưu hỷ theo

tâm, lên đến hữu đỉnh”.

Hỏi: “Sinh lên trời thì lia ác tích thiện. Vì sao khi hết phước báo, liền bị đọa vào Tam đồ?”.

Đáp: “Kể phàm phu, từ vô thủy đến nay, tạo ra nghiệp ác vô cùng. Một ngày tham sân, còn chịu ngàn hình, huống gì ác nghiệp quá nhiều, chỉ tạm thời hàng phục kết sinh. Đến khi phước báo vừa hết, ác nghiệp xa xưa vừa chín, liền bị đọa vào Tam đồ. Như thế, còn nghi ngờ vào đâu?”. Thế nên, luận Thành Thật nói: “Người ở tại sắc giới và vô sắc giới thì gọi đó là Niết bàn. Đến khi lâm chung, thấy sắc uẩn trong sắc giới và dục giới, trở lại sinh tà kiến, cho rằng không có Niết bàn, phỉ báng chánh pháp vô thượng. Như thế, cần phải biết trong đó cũng có nghiệp bất thiện”. Hơn nữa, luận Trí Độ nói: “Trong cõi Trời phi hữu tướng và phi vô tướng, khi chết đi, bị đọa vào địa ngục A tỳ”. Thế nên, còn luân chuyển trong Tam giới thì đều có khổ”.

Thứ hai là nói rõ cái khổ của chư Thiên ở dục giới. Nghĩa là trong cõi Trời ấy, mỗi khi có chiến tranh, lần lượt xảy ra tàn sát lẫn nhau, khiến cho thân tâm đều khổ. Nếu chặt ngang đuôi, các đốt xương tuy lia, nhưng vẫn còn sống được. Nếu chặt ngang đầu ngang hông, thì có cái khổ của chết chóc. Như luận Tỳ-đàm nói: “Chư Thiên ở dục giới có Thập nghiệp đạo xen tạp với bất thiện nghi. Tuy Trời không tàn hại lẫn nhau, nhưng tàn hại các đường khác, cũng có khi chặt tay chặt chân, nhưng vẫn còn sống sót, nếu chặt ngang đầu thì sẽ chết mất. Cứ thế, cũng lần lượt xâm lăng nhau, cho đến tạo đủ Thập nghiệp đạo. Hơn nữa, khi phước báo sắp hết, năm tướng suy xuất hiện thì sẽ vô cùng thảm não”. Thế nên, kinh Niết bàn có nói: “Trên trời, tuy không có chuyện khổ tâm nhiều, nhưng khi Thiên thân mềm mại linh hoạt xuất hiện năm tướng suy, thì sẽ chịu khổ nhiều vô cùng, giống như chịu khổ ở địa ngục không khác chút nào. Giống như mật trộn với thuốc độc, mới uống thấy ngọt ngào, nhưng sau đó sẽ chịu đắng cay”. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm có kệ rằng:

*“Như mật pha thuốc độc,
Vốn không thể uống được.
Thiên lạc cũng như thế,
Khi mất, hết rất khổ.
Nghiệp hết, mang sầu não,
Xa lia các Thiên nữ.
Khi lâm chung rất khổ,
Không thể nói thí dụ.*

Khi thiện nghiệp sắp hết,
 Như đèn sáng sắp tắt,
 Chẳng biết đi về đâu.
 Lòng sinh nhiều khổ não.
 Trên trời khi lâm chung,
 Lòng sinh nhiều khổ não.
 Khổ địa ngục mười sáu
 Chẳng bằng một khổ Trời.
 Hết thấy các vàng trắng,
 Đều do ái lực sinh.
 Xiềng ái cột chúng sinh,
 Đưa đến chỗ hiểm ác.
 Tam giới như vành xe,
 Dây nghiệp cột không đứt.
 Thế nên bỏ ái dục,
 Là dục, đạt Niết bàn”.

Hơn nữa, kinh Niết bàn nói: “Tuy lại có được thân của Phạm Thiên, thậm chí thân của Trời tưởng phi phi tưởng, khi mệnh chung vẫn còn bị đọa vào ba đường ác. Tuy là thân Tứ vương, thậm chí là thân của Trời Tha hóa tự tại, khi mệnh chung vẫn sinh vào đường súc sinh. Hoặc làm các loài sư tử, cọp, tê giác, chó sói, voi, ngựa, bò, lừa”. Mối hay, khi báo Trời đã hết, thì thân phận sẽ rất khổ sở. Một khi đã có họa nạn lớn này, lập tức cởi mở thành tâm, gột rửa nghiệp ấy, sám hối sao cho tiêu tan. Nếu người ta tạo tội, khi đã chịu xong quả báo, sau đó tu thiện, giả thiết được sinh lên trời, do dấu vết tội lỗi trước đây, dù ở trên đó, vẫn phải chịu chút ít hậu quả. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm có nói: “Nếu ở kiếp trước gây nghiệp trộm cắp, bấy giờ sẽ bị các thiên nữ chiếm lấy mọi thứ bảo vật đeo làm đồ trang sức, đem cho các thiên tử khác. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp nói dối, các thiên nữ nghe lời nói, sẽ sinh ra hiểu lầm, cho là chửi rủa. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp đem rượu bố thí cho người giữ giới, hoặc tự mình phá giới mà uống rượu, hoặc làm ra men rượu, khi lâm chung, tâm sẽ hỗn loạn, mất hết chánh niệm, đọa vào địa ngục. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp sát sinh, sẽ có thọ mạng ngắn ngủi, bị bạo bệnh mau chết. Nếu ở kiếp trước gây nghiệp tà dâm, sẽ bị các thiên nữ lừa bỏ, để cùng các thiên tử khác vui chơi với nhau. Đây gọi là năm tướng suy, do giữ năm giới thiếu sót, bị lưới nghiệp trói buộc, phải chịu nghiệp báo ấy”. Hơn nữa, Trời Đế-thích lại còn xem xét nghiệp quả ở trong điện. Kẻ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói

đối sẽ bị đọa vào trong đại địa ngục Khiếu hoán hay trong một tám địa ngục khác, chịu đủ mọi điều khổ sở. Sau đó, từ địa ngục sinh vào đường ngạ quỷ, chịu thọ mạng lâu dài. Từ trong đường ngạ quỷ ấy chết đi, sẽ sinh vào đường súc sinh, cùng tàn sát lẫn nhau. Từ trong đường súc sinh ấy chết đi, nếu sinh vào đường người, sẽ có thân hình tiều tụy, thiếu vẻ uy đức. Nếu có chút thiện nghiệp, được sinh vào đường trời, sẽ có thân hình, dáng dấp yếu đuối. Tất cả các thứ châu báu trang sức đều thiếu vẻ sáng láng, không được các thiên nữ yêu kính. Trái lại, các thiên nữ đều ruồng bỏ, tìm đến các thiên tử khác. Do trí tuệ kém cỏi, tâm không chánh trực, bị các thiên tử khác khinh thị chê cười. Nếu gặp khi chư Thiên và các A-tu-la đánh nhau, sẽ bị các vị ấy giết chết, bởi còn vết tích của nghiệp ác xa xưa”.

Thứ tư: PHẦN BÁO TẠ

Theo luận Tân Bà-sa nói: “Trong chư Thiên, nếu có vị sắp mệnh chung, sẽ có hai loại năm tướng suy xuất hiện: một là năm tướng suy nhỏ, hai là năm tướng suy lớn. Thế nào gọi là năm tướng suy nhỏ? Một là khi chư Thiên đi lại, chuyển động, từ trong các thứ châu báu trang sức phát ra năm thứ nhạc thanh. Dù nhạc công chơi giỏi cũng không hay bằng. Khi có vị sắp mệnh chung, các nhạc thanh này không ngân vang lên nữa. Có người nói: “Lại phát ra nhạc thanh không như ý”. Hai là hào quang phát ra từ thân của chư Thiên oai nghiêm lộng lẫy, chiếu diệu suốt đêm ngày. Thân không có bóng. Khi sắp mệnh chung, hào quang trở nên mờ tối. Có người nói: “Hào quang mất hẳn, bóng của thân lại hiện ra”. Ba là thân thể của chư Thiên bóng mịn, xuống tắm trong Hương Trì, khi vừa lên khỏi mặt nước, nước không dính vào thân. Bốn là tất cả các cảnh giới của chư Thiên đều tuyệt đẹp, siêu thoát mọi căn trần, giống vầng lửa xoay, không bao giờ ngừng. Khi có vị sắp mệnh chung, chỉ còn bám vào một cảnh giới, trải qua một thời gian, cũng không thoát bỏ ra được. Năm là thân lực của chư Thiên cường thịnh, mắt thường không chớp. Khi sắp mệnh chung, thân lực suy yếu, mắt thường chớp luôn. Thế nào gọi là năm tướng suy lớn? Một là y phục trước đây sạch, nay thì dơ. Hai là mũ hoa trước đây tươi, nay héo. Ba là nách bông đỏ mờ hôi. Bốn là thân thể chợt sinh hôi hám. Năm là không thích ngồi yên trên chỗ. Năm loại tướng suy nhỏ nói trên, dù đã xuất hiện, đôi khi cũng có thể thay đổi. Bấy giờ, Trời Đế-thích nhận thấy năm tướng suy nhỏ đã xuất hiện, liền biết chẳng bao lâu phải có năm tướng suy lớn xuất hiện, nên sinh lòng lo sợ, suy nghĩ thế này: “Nếu ai

có thể cứu ta thoát khỏi tai họa của tướng suy này, sau đó, ta sẽ xin quy y”. Nghĩ xong, liền tự hiểu rằng trừ đức Thế-tôn, chẳng ai có thể cứu nổi. Bèn tìm đến chỗ đức Phật, năn nỉ xin Ngài cứu vớt. Đức Phật thuyết pháp giúp cho thấy được chân đế, khiến cho các tướng suy ấy đều biến mất. Thế nên, ở trước đức Phật, Đế-thích vui mừng, nhảy nhót, nói lên những lời thân thương thành kệ như sau:

*“Đại tiên nên biết cho,
Tôi nay ở chỗ này,
Có lại thọ mạng Trời,
Nguyện kính nhớ giữ gìn”.*

Lại nữa, kinh Chiết Phục La Hán nói: “Ngày xưa, trên thiên cung Dao lợi có một vị trời, thọ mạng sắp hết, hiện ra bảy loại điềm: một là hào quang trong cổ tắt mất, hai là mũ hoa trên đầu khô héo, ba là sắc mặt trên đầu biến đổi, bốn là trên áo dính bụi, năm là trong nách đổ mồ hôi, sáu là thân hình gầy ốm, bảy là rời khỏi chỗ ngồi. Vị trời ấy lập tức suy biết sau khi mệnh chung, sẽ hạ sinh làm heo con trong bụng heo nái đầy ghẻ lở ở nước Cưu Di Na Kiệt, liền hết sức sầu khổ, không biết dự tính thế nào. Chư Thiên khác bảo rằng: “Hiện tại, Phật đang ở đây, thuyết pháp cho chúng sinh. Chỉ có Phật mới có thể giải thoát tội lỗi cho ông mà thôi!”. Vị Trời ấy liền tìm đến chỗ Phật, cúi đầu hành lễ. Chưa kịp hỏi han, Phật đã biết rõ, bảo rằng: “Tất cả vạn vật đều chịu vô thường, ông đã biết rõ điều ấy, còn ưu sầu làm gì? Muốn thoát khỏi thân heo con, hãy thường tụng tam quy y. Vị Trời ấy tụng luôn ba ngày như thế, bảy hôm sau, vị Trời ấy mệnh chung, được hạ sinh làm con trai của Trưởng giả của nước Duy Da Ly. Khi còn ở trong bụng mẹ, đã tụng tam quy y suốt ba ngày. Khi mới sinh ra rơi xuống đất, cũng quỳ tụng quy y. Lúc mẹ sinh ra, trên mình không dính máu dơ. Thị tỳ bên mẹ trong thấy, sợ hãi, bỏ chạy mất. Mẹ cũng rất lấy làm lạ, cho là quỷ quái, có ý muốn giết đi. Riêng cha biết là quý tử, bắt nuôi dưỡng chu đáo. Khi sắp lên bảy tuổi, cùng các trẻ nhỏ chơi bên đường, gặp Xá-lợi-phất, Mục-liên, đưa bé ấy đến trước mặt hành lễ, các Thánh đều kinh ngạc. Phật bèn kể rõ chuyện trước đây ở trên trời. Đưa bé ấy rước Phật về nhà, Phật giảng kinh cho nghe, đưa bé ấy cùng cha mẹ và bà con nội ngoại đều chứng được quả A duy việt trí, nghĩa là bất thối”. (Theo kinh, trời có nhiều loại, như trong Tam giới trên đây có nói đầy đủ ba mươi hai môn. Nay, về lục đạo, chỉ nói sơ lược bốn môn).

CẢM ỨNG DUYÊN

Trích dẫn sơ lược 6 chuyện linh nghiệm.

1. Cư sĩ Sử Thế Quang đời Tấn.
2. Sa-môn Thích Huệ Ngỗi đời Tấn.
3. Hai cô gái nhà họ Luân đời Tấn.
4. Sa-môn Thích Đàm Loan đời Ngụy.
5. Cư sĩ Chuyên Huyền Siêu đời Ngụy.
6. Sa-môn Thích Tuệ Thiều đời Lương.

Than ôi! Thập ác duyên lớn, dễ rối nhân tâm, vạn thiên sức suy, khó cảm chân tính. Lòng gian hay nổi, việc dữ thường nghe. Đạo giáo suy vi, chánh pháp ít gặp. Bởi vậy, một hơi thở không tìm lại được, sẽ trở thành muôn kiếp chia ly, từng sát na ngắn tạm cách xa, đã chất chứa ngàn đời vĩnh biệt. Do ở tin, chê đối chọi, thiện ác chống nhau. Bọn lầm lạc ngu mê hô hào thói xấu, người hiền lương chân chánh mắc bọm gian tà. Thế nên, chánh pháp truyền sang Trung Quốc hơn sáu trăm năm, gặp nạn thôi ác, châu đàn ba lượt phá hoại. Tuy thế, họa hoạn chưa kịp đời chân, tai ương đã trút xuống chúng. Lãnh hậu quả rành rành trước mắt, chịu báo ứng thiện ác nghiêm minh nên hết đau. Ngô vương sai vây chùa, khiến xá lợi chiếu sáng. Tề vương sai hành hình, khiến dao kiếm gãy lìa. Vũ Văn phỉ báng Tăng già, khiến vết thương lở loét. Thác Bạt phá hủy chùa chiền, khiến máu mủ chảy đầy. Tôn Hạo vì tiểu vào tượng nên âm vật sinh đau. Hách Liên vì thói bạo tàn nên bị sét đánh chết. Xưa nay, bằng chứng thiện ác họa phúc ứng nghiệm đã quá rõ ràng.

Các loại truyện ký như Minh Tường, Báo Ứng, Cảnh Thông, Oan Hồn, U Minh. Sưu Thần, Tinh Dị, Pháp Uyển Hoàng Minh, Kinh Luật Dị Tướng, Tam Bảo Trưng Ứng, Thánh Tích Quy Tâm, Tây Quốc Hành Truyện, Danh Tăng Cao Tăng, Minh Báo, Thập Di, lên đến mấy trăm, không thể kể hết. Tất cả đều đưa vào điển tịch, lưu lại với thời gian, đủ cho mọi mắt cùng xem, mai sau khỏi sinh ngờ vực, cho đó là chuyện hoang đường. Thế nên, kinh nói: “Làm thiện, được thiện báo, làm ác chịu ác báo”. Kinh Dịch nói: “Nhà tích lũy điều thiện chắc chắn sẽ có phước đức nhiều, nhà chồng chất tội ác chắc chắn sẽ chịu nhiều tai họa”. Cho hay, sự báo ứng của thiện ác có ảnh hưởng tương quan, thực chứng về khổ lạc vốn dĩ thường hay xung khắc.

Tôi tìm tòi khắp các truyện ký, có hơn bốn ngàn, có chọn lựa những chuyện hiển linh. Mỗi chuyện đều chú xuất xứ ở cuối. Nếu không dẫn chứng ra đây, sợ khó bài trừ tà thuyết. Còn như vô số chuyện khác, xin chờ bổ túc mai sau.

1. *Sử Thế Quang là người Tương Dương đời Tấn*: mất vào năm

Hàm Hòa thứ tám ở Vũ Xương. Bảy ngày sau, Sa-môn Chi Pháp Sơn tụng Tiểu phẩm Bát nhã cầu siêu, mệt quá nên hơi sao lãng, thoáng nghe trên linh vị như có tiếng người. Trong nhà họ Sử có người tớ gái, tự là Trương Tín, thấy Thế Quang trên bàn thờ, chính tề như lúc còn sống, nói với mình rằng: “Ta vốn phải đọa làm rồng, nhờ Hòa thượng họ Chi tụng giúp kinh nên được các vị Đàm Hộ, Đàm Kiên rước lên chỗ an vui trên Trời Phạm Thiên thứ bảy”. Hai vị này đều là Sa di đã mất của Hòa thượng họ Chi. Sau đó, Hòa thượng họ Chi lại đến tụng giúp Đại phẩm Bát nhã. Họ Sử lại về trên bàn thờ. Lúc sinh tiền, họ Sử có cúng dường cho nhà chùa hai tấm cờ phướn, bấy giờ đang tôn trí ở chùa. Họ Sử bèn gọi: “Trương Tín hãy cầm cờ phướn đưa ta về!”. Trương Tín dạ xong, liền chết mất. Cả hai cùng bay về phía Tây Bắc, lên một ngọn núi xanh như pha lê. Đến đỉnh núi, trông thấy cửa trời. Thế Quang tự tay cầm lấy cờ phướn, bảo Trương Tín quay về, giao cho một khối hương xanh như ba đậu, bảo rằng: “Đem dâng cho Chi Hòa thượng”. Trương Tín chưa chịu quay về, đứng nhìn xa xa, thấy Thế Quang đi thẳng vào cửa trời. Sau đó, Trương Tín theo đường cũ quay về. Bỗng nhiên sống lại, nhưng không thấy khối hương xanh trong tay. Cờ phướn cũng y như cũ trong chùa. Khi Thế Quang và Trương Tín từ nhà bay đi, đứa con sáu tuổi của ông thấy được, đưa tay lên chỉ nói với bà nội rằng: “Cha con bay lên trời, bà nội có thấy không?”. Về sau, Thế Quang cùng hàng chục người trở về nhà. Dùng dăng một hồi rồi mới ra đi. Mỗi khi trở về, đều thấy đội mũ, cài trâm. Khi đi, chỉ còn búi tóc lộ ra. Trương Tín đem hỏi, liền trả lời: “Trên trời có mũ riêng, không cần mang thứ này”. Sau đó, bèn đội mũ trời, cùng các người trời đánh đàn, ca hát, đi thẳng lên nhà của mẹ mình. Trương Tín hỏi: “Thường trở về như thế để làm gì? Ông trả lời: “Để làm cho mọi người biết rõ tội phước, đồng thời cũng để làm vui lòng mẹ ta”. Tiếng đàn trong trẻo tuyệt diệu, không giống tiếng thế gian. Mọi người lớn nhỏ trong nhà đều nghe cả. Tuy nhiên âm vận mơ hồ như có vách tường ngăn cách, không được nghe trực tiếp trước mắt. Riêng một mình Trương Tín được nghe Thánh thốt rõ ràng. Một lúc sau lại ra đi, Trương Tín theo tiễn chân, thấy Thế Quang đi vào trong một cửa lớn màu đen, giây lát lại ra đi, nói rằng: “Cha ta ở trong này, hằng ngày bị đánh đòn, đau đớn không thể chịu nổi, ta vừa vào thăm xong. Ông cụ mắc tội giết người, nên phải chịu quả báo ấy. Phải về báo cho mẹ ta, rước tăng đến tụng kinh, mới có thể giải thoát đôi chút”. Cha của ông chính là Khinh xa tướng quân Chung Báo. (Chuyện trên đây rút ra từ Minh Tường Ký).

2. *Ngài Thích Huệ Ngỗi ở Trường An đời Tấn*: không rõ người ở đâu, trụ tích tại chốn rừng lâm ở Trường An, giữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Phần nhiều ngài ở trong hang động, tu tập Thiền định. Có một con quỉ không đầu hiện ra, mà thần sắc ngài không hề biến đổi, liền bảo con quỉ ấy rằng: “Nhà người không có đầu, như vậy, không sợ đau đầu, sung sướng nhất đời!”. Con quỉ ấy biến mất. Sau đó lại làm con quỉ không bụng hiện ra, chỉ có chân tay. Ngài liền bảo: “Nhà người không có bụng, như vậy không có lo âu về ngũ tạng. An vui nhất đời!”. Giây lát, con quỉ lại biến thành hình khác, ngài liền lự lời đuổi đi. Sau đó rất lâu, trời đổ tuyết lạnh buốt, có một cô gái đến xin ở lại, tướng mạo đoan trang, y phục đẹp đẽ, nhan sắc thù mị, tự xưng là thiên nữ, thấy ngài có đạo hạnh nên trời sai xuống đây để cùng an ủi. Dem lời dục ra khiêu khích ý ham muốn. Ngài giữ chí cứng rắn, không hề rối lòng, bảo cô gái ấy: “Lòng ta như tro nguội, đừng mong đem túi da ấy ra thử thách!”. Cô gái ấy bèn đạp mây bay đi và quay lại than rằng: “Nước biển có thể cạn kiệt, núi Tu-di có thể ngã nghiêng, nhưng vị Thượng nhân này vẫn giữ chí chắc chắn kiên trinh!”.

Về sau, vào năm Long An thứ ba đời Tấn, ngài cùng Pháp Hiền đi sang Tây Vực, không rõ cuối cùng ra sao. Nói pháp có Thích Hiền Hộ, họ Tôn, người Lương Châu, đến trụ tích ở chùa Diêm Hưng, vùng Quảng Hán. Ngài thường tu tập Thiền định, tinh chuyên giới luật, không sai phạm mảy may. Ngài viên tịch năm Long An thứ năm đời Tấn. Khi sắp hóa, trong miệng phóng ra hào quang ngũ sắc, chiếu diệu khắp chùa. Ngài dặn dò hỏa táng di thân, đệ tử vâng theo. Sau khi tất cả xương cốt đều cháy, chỉ còn lại y nguyên ngón tay. Vì thế, đệ tử đem chôn dưới tháp của ngài. (Chuyện trên đây rút từ Lương Triều Cao Tăng truyện).

3. *Hai cô gái nhà họ Luân đời Tống*: vốn người Tăng Thành ở Đông Quan, là chị em chú bác. Năm Nguyên Gia thứ chín, chị lên 10, em lên 9. Do ở chỗ quê mùa, càng thêm ngu muội, chưa từng biết đến kinh điển. Bỗng nhiên vào ngày mồng 8 tháng 2, cả hai chị em đều mất tích. Ba ngày sau lại trở về, nói lời mờ được gặp Phật. Vào ngày rằm tháng chín, lại mất tích. Một tuần sau mới trở về, biết nói tiếng ngoại quốc, tụng được kinh bằng tiếng Phạm. Gặp Sa-môn ở Tây Thành, liền được khai ngộ. Vào ngày rằm tháng giêng năm sau, bỗng nhiên lại mất tích. Người làm ruộng bảo rằng: “Thấy hai chị em theo gió bay thẳng lên trời”. Cha mẹ kêu khóc, lo lắng. Cùng thần cầu phước lành. Qua hết một tháng, lại trở về, đã xuống tóc làm ni, mặc đầy đủ pháp phục. Cầm

tóc kể rằng: “Gặp Phật và Tỳ-kheo-ni dạy rằng các con vốn có nhân duyên từ kiếp trước, nên làm đệ tử của ta. Rồi lấy tay xoa lên đầu, tóc liền rơi xuống. Lại ban cho pháp danh, chị là Pháp Duyên, em là Pháp Thái. Khi sắp cho về, còn bảo rằng các con có thể cất chùa, ta sẽ ban cho kinh điển”. Sau khi cô gái ấy trở về nhà, liền phá hủy bàn thờ ma quỷ, xây cất lên một ngôi chùa. Đêm ngày ăn chay tụng niệm. Tối đến, thường có hào quang chiếu diệu lên tới đỉnh núi giống như đèn đuốc. Từ đó về sau, hai cô gái ấy có phong thái thanh nhã, ăn nói trang nghiêm. Thậm chí, cốt cách trên chốn kinh đô cũng không hơn được. Thứ sử Vi Lăng đến tận nhà tham kiến và rước về phủ cúng dường. Nghe lời đàm luận, Thứ sử hết sức kinh ngạc và khâm phục. Nhờ thế, khắp chốn hang cùng ngõ hẻm đều biết thờ Phật. (Chuyện trên đây rút từ Minh Tướng ký).

4. *Sa-môn Đàm Loan ở chùa Huyền Trung trong động Thạch Bích tại Tây Hà đời Tấn*: chưa rõ họ tên, gia thế, chỉ biết ngài là người đất Nhạn Môn, gần núi Ngũ Đài nổi tiếng hiển hách uy linh khắp chốn nhân gian. Vì bệnh suy nhược tinh thần, ngài đi chữa trị khắp nơi. Đến làng cũ của nhà Tần ở Phần Châu, ngài vào thành, ngắm mây xanh trên cửa Đông. Bỗng thấy cửa trời mở rộng, bày ra các ngôi vị của trời lục đục, trên dưới đều chập chùng san sát. Nhờ thấy cảnh tượng này, ngài liền bớt bệnh. Sau sang thăm chỗ ẩn cư của họ Đào ở Giang Nam, tìm hỏi tiên thuật, mong được trường thọ và lên chơi các núi non tiếp cận phía trước vùng này, lòng rất thích thú. Họ Đào đem tặng mười quyển sách về thuật tu tiên để đáp tạ thành tâm cầu học của ngài. Khi về đến Triết Giang, có vị thần tên là Chàng Bảo, hễ mỗi lần vùng vẫy, sông liền dậy sóng bảy ngày mới yên. Gặp lúc sông vừa dậy sóng, không thể nào qua được. Ngài bèn đến miếu thần, thành tâm cầu khẩn, như được đáp ứng, sẽ xin xây lại miếu. Giấy lát, thần hiện nguyên hình, như người trạc tuổi hai mươi và bảo rằng: “Nếu muốn qua sông, sáng mai mới được. Xin đừng nuốt lời!”. Sáng hôm sau sóng vẫn hung hãn, ngài vừa xuống thuyền, sóng liền lặng yên. Nhờ thế, ngài được qua sông. Vua nhà Lương kính trọng ngài, ban sắc phong Chàng Bảo làm giang thần và sai cất lại miếu thờ. Sau đó, ngài từ biệt nhà vua, trở về đất Ngụy, ý muốn tìm chốn danh sơn tu luyện theo thuật thần tiên. Đến Lạc Hạ, gặp ngài Tam tạng Pháp sư người Trung Quốc là Bồ Đề Lưu Chi. Ngài hỏi: “Phật giáo có phương pháp trường sinh bất tử nào hơn thuật tu tiên của Trung Quốc không?”. Ngài Bồ Đề Lưu Chi nhổ phẹt xuống đất, bảo rằng: “Nhà ngươi nói gì bậy thế? Chẳng có gì để cùng so sánh

cả! Ở thế gian này, chỗ nào có được thuật trường sinh bất tử? Giả sử có được, cũng chỉ bất tử được một thời gian ngắn ngủi. Rốt cuộc, cũng rơi vào vòng luân hồi lẩn quẩn trong tam giới mà thôi!”. Lập tức trao cho kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và dặn dò: “Đây chính là thuốc đại thần tiên, y theo tu hành, sẽ được giải thoát sinh tử, dứt hẳn luân hồi”. Sau đó, ngài dời về chùa Huyền Trung trong động Thạch Bích ở Bắc Sơn tại Phần Châu, chuyên tâm theo kinh ấy tu tập pháp môn Tịnh độ. Năm sáu mươi bảy tuổi, sắp đến ngày viên tịch, cờ phướn, lọng báu chiếu diệu sáng rực cả chùa. Hương thơm tỏa ra ngào ngạt, tiếng âm nhạc nổi lên vang lừng. Những người sửa soạn lên chùa đều cùng trông thấy. Ngài viên tịch vào năm Hưng Hòa thứ tư, tại chùa trên núi Bình Diêu, thọ 67 tuổi. (Truyện trên đây rút ra từ Lương Cao Tăng truyện).

5. *Phó quan Huyền Siêu, tự là Nghĩa Khởi, làm việc ở quận Tế Bắc đời nhà Ngụy*: khoảng niên hiệu Gia Bình. Ban đêm nằm ngủ một mình, mơ thấy có thần nữ đến kề cận, tự xưng là thiên nữ, gốc người Đông Quận, họ Thành Công, tên tự là Tri Quỳnh, cha mẹ mất sớm. Thiên đế thương hoàn cảnh cô đơn khổ sở, cho phép hạ giới lấy chồng. Trong mơ tinh thần sảng khoái, liền thức giấc, vì cảm xúc nhan sắc xinh đẹp kỳ diệu của nàng không giống người thường. Tỉnh ra, hết sức nhớ nhung, nghe như còn đồng vọng mơ hồ đau đáu. Cứ thế, suốt ba bốn đêm liền, bổng nàng hiển hiện đến chơi, đi bằng xe che màn, có tám tỷ nữ theo hầu, mặc áo lụa là thêu may rực rỡ, hình dung nhan sắc như tiên bay. Tự xưng đã bảy mươi, nhưng trông chừng như con gái mười lăm, mười sáu tuổi. Trên xe có sẵn bầu, khạp đựng rượu bằng pha lê trắng trong suốt, năm loại chén ăn uống và đủ các thức ăn kỳ lạ. Rồi cho bày dọn thịt, mời Nghĩa Khởi cùng ăn uống, bảo rằng: “Thiếp là ngọc nữ trên trời, được phép hạ giới, nên mới đến với chàng. Không ngờ chàng có phước đức, duyên phận từ kiếp trước, xứng đáng kết nghĩa vợ chồng. Dù chẳng đem lại lợi ích gì, nhưng cũng không làm chàng thiệt thòi gì cả. Mỗi lần đến đây, đều có xe tốt ngựa khỏe, ăn uống sẵn có món ngon vật lạ, lụa là may mặc đầy đủ. Nhưng thiếp vốn là thần tiên, không thể sinh con cho chàng, cũng không có tính ghen tuông, không gây hại đến chuyện hôn nhân của chàng”. Từ đó, hai người trở thành vợ chồng. Nàng tặng một bài thơ như sau:

*“Trở tài bay phiêu diểu,
Rong chơi gặp núi mây.
Hương trời chẳng trang điểm,
Đức lớn hợp sum vầy.*

*Thần tiên không xuống bậy,
Đúng hẹn mới tìm đây.
Cưới thiệp giàu năm họ,
Phụ thiệp gặp họa ngay”.*

Đây là đại khái về bài thơ. Còn một bài văn dài hai trăm chữ, không thể chép hết. Nàng còn chú giải kinh Dịch gồm bảy quyển, nói về bói toán tốt xấu. Nghĩa Khởi đều lãnh hội được ý nghĩa. Làm vợ chồng ăn ở được bảy, tám năm, sau đó cha mẹ Nghĩa Khởi cưới vợ cho chàng. Từ đây, chia ra ngày lánh mặt, đêm chung cùng. Tối đến, sáng đi, thấp thoáng như bay, chỉ có một mình Nghĩa Khởi thấy được nàng, người khác không thể gặp được. Tuy trong nhà kín đáo vẫn nghe tiếng người, thường thấy dấu tích, nhưng không thấy được hình dung. Về sau, có người lấy làm lạ, gạn hỏi, Nghĩa Khởi đem ra tiết lộ, mới đổ bể sự tình. Ngọc nữ liền xin ra đi, và nói rằng: “Thiếp là thần tiên, tuy cùng chàng giao du, nhưng không muốn người khác biết đến. Tính chàng không được kín đáo, thiếp đã cùng chàng gắn bó lâu nay, tình sâu nghĩa nặng, một sớm chia lìa, há không đau đớn chẳng? Sự thế không thể dùng dằng được nữa, mỗi người đành phải cố gắng chịu đựng”. Kêu người hầu đem rượu thịt ra ăn uống, mở giỏ lấy một bộ quần áo lót đã dệt xong, ban cho Nghĩa Khởi và tặng một bài thơ. Cầm tay chia ly, nước mắt lăn tăn tuôn đầy, rồi trang trọng lên xe đi như bay. Nghĩa Khởi đau thương chồng chất thảng ngày, gần như không dậy nổi. Về sau, đến Tế Bắc, đang đi trên đường núi Ngũ Sơn đổ về phía Tây, Nghĩa Khởi nhìn xa xa, đầu khúc quanh, thấy một xe ngựa giống của Tri Quỳnh, vội vàng chạy đến trước xe, đúng là ngọc nữ! Liền vén màn gặp mặt. Hết buồn tủi đến vui mừng. Tri Quỳnh nhường chỗ cùng ngồi chung xe đến Lạc Dương, nối lại tình nghĩa vợ chồng, hàn gắn mối duyên xưa. Đến niên hiệu Thái Khang vẫn còn, nhưng họ không gặp nhau hằng ngày. Thường vào ngày mồng ba tháng ba, mồng năm tháng năm, mồng bảy tháng bảy, mồng chín tháng chín, mười một tháng mười một, mới xuống ở lại với nhau rồi lại đi. Tiên sinh Trương Mậu nhân chuyện này làm bài phú Thần Nữ. (Truyện trên đây rút từ *Sưu Thần Ký*).

6. *Sa-môn Thích Tuệ Thiệu ở chùa Long Uyên tại Thục quận đời nhà Lương*: họ Trần, vốn gốc là người Thái Khâu ở Dĩnh Xuyên, ngài bẩm chất thanh tịnh, sáng suốt thông minh xuất chúng. Vào năm năm mươi bốn tuổi, ngài viên tịch trong Ma ha diển đường của chùa. Bấy giờ, có người ở Ứng Thủy, thuộc Thành Đô tên là Phong Hiền bị bệnh chết, nhưng trên ngực vẫn còn ấm, mãi đến năm hôm sau mới tỉnh lại, kể

rằng: “Tôi bị dẫn đến vua Diêm La chịu phân xử thì nghe nói đón Pháp sư. Giây lát sau thì ngài đến. Nhà vua bước xuống cung điện, chấp tay đánh lễ. Xong xuôi, không nói năng gì cả, chỉ viết lên văn thư một chữ “chính” theo lối đại tự. Ngài Tuệ Thiều bước ra phía ngoài, ngồi dưới gốc cây bên đường trống vắng, thấy một tiểu đồng lấy giỏ bằng gỗ liễu phủ sơn đỏ đến một cà sa lạ hoắc, bảo ngài mặc vào. Có chừng mười vị tăng đến đón. Trong đó, Phong Hiền quen biết hai vị là các thiền sư Từ và Hòa. Cờ phướn, lọng báu sắp xếp chật đường. Rồi cả đoàn cưỡi hư không bay đi”. Hơn nữa, vào đêm ngài viên tịch, có vị ni ở chùa An Phố, mắc bệnh đã lâu, râu rĩ khô héo. Tối đó, chết đi sống lại, kể rằng: “Ta đưa Pháp sư Tuệ Thiều cùng năm trăm vị tăng bước lên cầu làm bằng bảy loại bảo vật, vào đến giảng đường trên thiên cung. Chỗ ấy giống như thủy tinh, có đầy đủ chiếu giường hoa mỹ, cũng có phát trần, bàn ghế, hoa sen nở đầy ao. Pháp sư Tuệ Thiều ngồi xuống pháp tọa đàm luận. Một lát, đứng lên bảo những người đi đưa hãy ra về”. Chuyện giao cảm với điềm linh về lẽ sinh diệt của những vị ấy, đại khái đều như thế cả. Pháp sư viên tịch vào ngày mồng ba tháng bảy tại chùa Long Uyển, họ năm mươi bốn tuổi, nhằm năm Thiên Giám thứ hai đời nhà Lương. (Chuyện trên đây rút từ Lương Cao Tăng truyện).

II. Bộ thứ 2: NHÂN ĐẠO

Gồm có tám phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Nghiệp nhân, Quý tiện, Bần phú, Thọ khổ, Cảm ứng duyên.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận trong đường người: hình hài giả dối, gây nhiều nghiệp tội, thích tạo oan khiên. Đạo đức tiêu tan, ân nghĩa đoạn tuyệt. Bởi thế, Thôi Trữ giết vua, Cao Thần hại bố. Thất hùng tranh bá, vạn quốc liên minh. Xa xỉ đua đòi, hoang dâm lộ liễu. Thuần phong mất sạch, mỹ tục chẳng còn. Tam độc hoành hành, thập triều bộc phát. Tứ lưu đầy đầy, ngũ uẩn mịt mờ. Diên đảo vô minh, càng thêm quá quắt. Khiến cho: thân thể như cây đang ngã, tính mạng tự thành sắp nghiêng. Mật dính miệng dễ bị tiêu tan, dây bò giếng khó được bền vững. Dưới từng đầu mả, khóc lóc thảm thương. Ngõ rộng cửa dày, thở than sùi sụt.

Nay hết mọi người, đều xin sám hối. Cũng thân phận chân vương đầu tròn, từ trí đến ngu, Tây tới Cù Da, Đông tận Vu Đãi, Bắc cùng Đơn Việt, Nam hết Diêm-phù, cho đến túp lá lều da, vẽ mình bởi tóc,

nuốt sống ăn tươi, nằm hang ở tổ, xăm mình nhuộm răng, đứng ngược đi nghiêng, nước nhẹ nổi mình, núi cao dây bám, biên cương trấn thủ, giáo cấp giáp mang, dây buộc xích ràng, khiêng cây đội sắt, cùng nguyện: sửa mình nhân nhượng, tỏ vẻ hiếu từ. Đẹp tâm phóng đảng, bỏ thói hoang dâm. Thân tựa đá vàng, thể như non lớn. Bát khổ không thể xâm lăng, cứu hoạn đuổi xa mãi mãi!

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Theo trong luận Bà-sa giải thích: “Gọi người là có ý chận đứng, nên mới gọi là người. Nghĩa là trong lục đạo, thường có ý chận đứng, nên mới gọi là người. Nghĩa là trong lục đạo, thường có ý chận đứng phiền não, ác loạn, thì không có ai hơn người, nên mới gọi là có ý chận đứng. Vả lại, nhân là nhẫn, nghĩa là đối với tình thuận, nghịch ở thế gian, thường vui vẻ chịu đựng, nên gọi là nhẫn”.

Hơn nữa, luận Lập Thế A-tỳ-đàm nói: “Vì sao Nhân đạo gọi là Ma nậu sa? Chữ này có tám nghĩa: một là vì thông minh, hai là vì hơn hết, ba là vì có ý tinh vi, bốn là vì chánh giác, năm là vì trí tuệ tăng thêm, sáu là vì có thể phân biệt thật hư, bảy là vì làm pháp khí của chánh pháp, tám là vì sinh ra nghiệp thông tuệ. Do đó, mới gọi là Nhân đạo là Ma nậu sa”.

Hơn nữa, trong luận Tân Bà-sa có câu hỏi: “Vì sao đường này gọi là Mạt nô sa? Vì ngày xưa có Chuyển luân vương tên là Mạn ngân đa nói với mọi người rằng: “Các người muốn hành động, trước tiên, phải suy nghĩ, cân nhắc, quan sát”. Bấy giờ, mọi người làm theo lời Chuyển luân vương chỉ dạy. Khi muốn hành động, trước tiên đều suy nghĩ, cân nhắc, quan sát. Nhờ thế, đối với các loại nghề nghiệp thủ công đều được khéo léo. Vì thường đem ý tứ suy nghĩ, quan sát công việc như thế, nên gọi là Mạt nô sa”. Có người nói: “Vì trước đây có làm tăng trưởng các hạnh tốt về thân, ngữ, ý cấp thấp, được sinh vào đường ấy, khiến đường ấy trở thành liên tục, nên mới gọi là đường người”. Có người nói: “Vì nhiều kiêu mạn, nên gọi là người. Bởi lẽ kẻ kiêu mạn trong năm đường kia không nhiều bằng người”. Có người nói: “Vì thường có ý tịch lặng, nên gọi là người. Bởi lẽ, kẻ có ý tịch lặng trong năm đường kia không bằng người”. Thế nên, Khế kinh bảo: “Người có ba sự kiện hơn hẳn chư Thiên: một là dũng mãnh, hai là biết ghi nhớ, ba là có Phạm hạnh”.

Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ

Như luận Bà-sa nói: “Bốn giống người trong thiên hạ cư trú trong

bốn châu lớn là Thiệm Bộ, Tỳ-đề-ha, Cù-đà-ni và Câu Lô, đồng thời cũng cư trú trong tám châu trung gian. Là tám châu nào? Ấy là châu Câu Lô có hai châu thân thích: một là châu Đoản Lạp Bà, hai là châu Kiêu Lạp Bà. Châu Tỳ-đề-ha có hai châu thân thích: Một là Châu Đề-ha, hai là Châu Tô ha. Châu Cù-đà-ni có hai Châu thân thích: một là châu Xá Hào, hai là châu Ốt đất La Mạn Đất Lý Noa. Châu Thiệm Bộ có hai châu thân thích: một là châu Già-mạt-la, hai là châu Phiệt La Già-mạt-la. Người trong tám châu này có hình thù thấp nhỏ, giống người lùn loắt chắt ở đây”. Có người nói: “Bảy châu đều do người cư trú, chỉ có châu Già-mạt-la thì do La sát bà cư trú”. Có người nói: “Ở đây nói tám, tức là tên khác của bốn châu lớn. Vì mỗi một châu đều có hai tên gọi. Nói như thế thì theo trên, trong tám châu này, mỗi một châu lại có năm trăm châu nhỏ làm thân thích. Trong đó hoặc có người cư trú, hoặc không có người cư trú, hoặc có người tu hành cư trú”.

Hỏi: Đường người hình dáng ra sao?.

Đáp: Hình dáng con người đứng thẳng lên. Tuy nhiên mặt người ở châu Thiệm Bộ giống hình hòm xe. Mặt người ở châu Tỳ-đề-ha giống hình bán nguyệt. Mặt người ở châu Cù-đà-ni giống vầng trăng đầy. Mặt người ở châu Câu Lô giống hình ao vuông”.

Hỏi: Tiếng nói như thế nào?

Đáp: Khi thế giới mới thành, tất cả mọi người đều nói tiếng Thánh. Về sau, do lúc ăn uống, chúng sanh không thọ dụng như nhau và do tăng thêm tội ton hót, nói dối, bèn có nhiều loại tiếng nói khác nhau, thậm chí có người không biết nói”.

Thứ tư: PHẦN NGHIỆP THÂN

Theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, có đặt ra Tứ cú phân biệt: một là có nghiệp được quả báo thân vui mà tâm không vui, như kẻ phàm phu có phước, hai là có nghiệp được quả báo tâm vui mà thân không vui, như La hán ít phước, ba là có nghiệp được quả báo thân, tâm đều vui, như La hán có phước, bốn là có nghiệp chịu quả báo thân, tâm đều không vui, như kẻ phàm phu ít phước. Người có nghiệp báo như thế nào, đều được báo ứng khổ lạc như thế ấy.

Hơn nữa, kinh Bồ Tát Tạng nói: “Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo trưởng giả Hiền Thủ rằng trưởng giả nên biết, Ta thấy tất cả chúng sinh trong thế gian đều bị mười nỗi khổ bức bách. Là mười nỗi khổ gì? Một là nỗi khổ do sinh ra bức bách, hai là nỗi khổ do già đi bức bách, ba là nỗi khổ do bệnh tật bức bách, bốn là nỗi khổ do chết chóc bức bách, năm là nỗi

khổ do buồn rầu bức bách, sáu là nỗi khổ do oán hận bức bách, bảy là nỗi khổ do thọ lãnh bức bách, tám là nỗi khổ do lo âu bức bách, chín là nỗi khổ do đau đớn bức bách, mười là nỗi khổ lớn do sinh tử luân hồi bức bách. Ta thấy mười nỗi khổ như thế bức bách chúng sinh. Vì đức đạo Vô thượng Bồ đề, có thể giải thoát mọi nỗi khổ bức bách như thế, nên ta phát tín tâm thanh tịnh, lìa bỏ gia đình họ Thích, hướng đến đạo Vô thượng. Còn nữa, trưởng giả! Ta thấy tất cả chúng sinh trong thế gian, từ vô số kiếp, đã tạo trăm ngàn ức cai tội lỗi, thường bị mười loại tên độc lớn bắn trúng. Là mười loại tên nào? Một là loại tên độc ái, hai là loại tên độc vô minh, ba là loại tên độc dâm dục, bốn là loại tên độc tham lam, năm là loại tên độc sai lầm, sáu là loại tên độc ngu si, bảy là loại tên độc kiêu mạn, tám là loại tên độc tà kiến, chín là loại tên độc chấp có, mười là loại tên độc chấp không. Trưởng giả! Ta thấy chúng sinh bị mười loại tên độc bắn trúng. Nhờ đạt đạo Vô thượng Bồ đề, có thể bẻ gãy mười loại tên độc ấy, nên Ta phát tín tâm thanh tịnh, lìa bỏ gia đình họ Thích, hướng đến đạo Vô thượng”.

Thứ năm: PHÂN QUÝ TIỆN

Nếu đem bốn phương ra nói, Bắc Uất-đơn-việt không có sự sang hèn. Ở đây không phân chia thầy tớ, nên không có sự sang hèn. Ba phương còn lại đều có sang hèn. Vì có sự phân chia ra vua tôi, dân chúng, sự cách biệt giữa chủ nhân với nô bộc, nên có sự sang hèn khác nhau. Gộp chung sang hèn, gồm có sáu hạng: một là hạng giàu nhất, ấy là các Chuyển luân vương. Hai là hạng giàu kế tiếp, ấy là các Túc tán ương. Ba là hạng giàu nhỏ, ấy là các quan lại. Bốn là hạng hèn nhất, ấy là các đầy tớ hèn hạ. Năm là hạng nghèo vừa, ấy là kẻ phục dịch. Sáu là hạng nghèo ít, ấy là các tỳ thiếp. Gộp chung thì đại khái như thế, nếu phân chia tỉ mỉ, thật khó nói cho cùng.

Thứ sáu: PHÂN GIÀU NGHÈO

Nếu đem bốn phương ra nói, Bắc Uất-đơn-việt đều rất giàu như nhau. Trong hai châu Đông Tây có sự hơn kém. Nam Diêm-phù-đề nghèo nhất. Sự giàu nghèo trong bốn châu không giống nhau, như kinh đã nói đầy đủ. Hơn nữa, người Diêm-phù-đề giàu nghèo không nhất định. Tổng cộng có ba hạng: thứ nhất là hạng giàu lớn, như Chuyển luân vương, thống lãnh bốn phương, giàu gom bốn biển. Tất cả nhu cầu đều rất đầy đủ, như kinh đã nói. Phước lực của ngài rất lớn. Mỗi khi xuất thế, cảm nhận được năm sự kiện kỳ lạ, bảy loại châu báu hiện ra.

Năm sự kiện kỳ lạ là: một là được các dòng suối và ao tắm phẳng lặng, trong trẻo, hiện ra khắp nơi trong quốc độ. Hai là được nước cam lồ tự nhiên sinh ra nơi cung đình. Khi khát uống vào, thân thể nhà vua sẽ nhẹ nhàng bớt bệnh. Ba là được nước biển rút xuống một do tuần. Khắp trong bờ biển, trào lên con đường bằng cát vàng để cho nhà vua du hành khắp bốn phương thiên hạ. Bốn là được cỏ hương trên đầu bờ thần mọc lên bên bờ biển. Nhà vua hái lấy, đem về thấp, mùi hương càng nồng đượm, theo gió bay xa, thơm tho khắp bốn mươi dặm, người chết ngửi xong, sẽ được sống lại. Năm là được loại chim Ca chân liên đà sinh ra trong biển. Nhà vua bắt đem về nuôi, thân tâm đều thích thú, vì tiếng hót của loài chim này còn hay hơn cả âm nhạc trên Trời Lục dục. Dựa theo nghĩa này, luận Vãng Sinh có kệ rằng:

*“Tính quý cỏ công đức,
Mềm mại nghiêng phải trái.
Chạm vào sinh núi lớn, Hơn
nghe Ca chân liên đà”.*

Nhà vua có đủ bảy loại châu báu, lại có cả ngàn người con hùng mạnh, như kinh trên đã nói. Thứ hai là hạng giàu vừa, ấy là các Túc tán vương. Thứ ba là hạng giàu nhỏ, như các Thọ đề già. Nghèo cũng có ba hạng, suy ra có thể biết được.

Thứ bảy: PHẦN THỌ KHỔ

Than ôi! Luận trong đường người, chỉ khổ không vui. Ngu chấp làm vui, mất vui thành khổ. Thấy lầm làm vui, thấy rõ là khổ. Thế nên, kinh Phó Pháp Tạng nói: “Thế gian nhiều khổ, không thể cầu vui. Thân này không chắc, thối nát lụi tàn, giống như đồng bọt, nhấp nháy vỡ tan. Hình dung đoan chính, đáng để đắm yêu. Già yếu ập đến, nào có còn gì! Ngoài phủ da mỏng, gọi là điểm tô. Trong đây máu mủ, nước ối ứ dơ. Các pháp vô thường, diễn biến rất chóng. Xem một hơi thở, sinh diệt bốn trăm. Ví như giữa trời, mây dùn sấm nổ. Gió lớn nổi lên, lại vụn tan biến. Ngũ dục không bền, giống y như vậy. Cùng yêu thương nhau, an hưởng hạnh phúc. Vô thường kéo đến, có chừa ai đâu? Thế gian nhiều khổ, rất khó ở lâu. Thân người, bởi thế, chỉ khổ, vô thường. Phải biết chán chường, mau cầu giải thoát. Tất cả các pháp, do khổ chất nên. Như nhọt, như phấn, như tên trúng tim. Sinh già bệnh chết, luân chuyển vô bờ. Vô thường hủy hoại, mục nát rất nhanh. Như tù sắp chết, mạng sống chẳng dài. Như người ở tù, chẳng đáng mến yêu. Giống trái bên đường, mất công liệng bỏ. Thân đáng ghét này, sẽ bị hủy diệt. Qua điều, chôn

cáo, cắn xé giành ăn. Gió lùa nắng tấp, hôi hám thối xanh, tóc lông, răng móng, tung tóe khắp nơi. Thân đã như thế, có gì thích ham? Cố tìm phương tiện, giải thoát thật nhanh. Trời kia giàu có, cuối cùng tan tành. Tươi tốt ngoài mặt, lo sợ trong lòng”. Thế nên, luận Đại Trang Nghiêm nói: “Như đeo dây quý, dù ở bên mình. Ngồi báu cũng thế, thường chất sợ lo, nơm nớp giữ gìn. Sợ mất rất khổ, phải lấy áo dầy, còn gọi là vui! Chẳng qua trong khổ, nghĩ bướng làm vui”. Thế nên, kinh Tân Đầu Lô Vị Ưu Đà Diên Vương thuyết pháp có kệ rằng:

*“Ngôi báu tuy tôn quý,
Thay đổi không tạm dừng.
Nhanh chóng như tia chớp,
Phút chốc bỗng tiêu vong.
Ngôi báu rất giàu sang,
Kẻ ngu thật ham thích.
Tiêu vong chợt ập đến,
Đau khổ quá thường dân.
Nhà vua ở ngôi báu,
Danh nổi khắp mười phương.
Uy nghiêm rất đáng mến,
Trang sức lớp lớp chồng.
Ví như người hấp hối,
Mang chuỗi ngọc tràng hoa,
Đâu hay chết sắp đến!
Ngôi báu cũng như thế.
Vương giả như ngài đây,
Thường ôm nhiều lo sợ.
Lúc đi đứng và ngồi,
Thậm chí khắp mọi lúc.
Đối với người thân sơ,
Thường có lòng ngờ vực.
Thần dân và phi hậu,
Voi ngựa và châu báu,
Tài sản trong đất nước,
Tất cả thuộc về vua.
Bỏ lại chẳng mang gì!”*

Lại nữa, trong kinh Niết Bàn, Phật nói kệ rằng:

*“Tất cả các thế gian,
Chúng sinh đều bị chết.*

Thọ mạng tuy vô lượng,
Cuối cùng cũng phải hết.
Hễ thịnh thì có suy,
Đoàn tụ phải biệt ly.
Tuổi trẻ không được lâu,
Trong khỏe, bệnh bắt đầu.
Tính mạng bị bệnh nuốt,
Chẳng có gì còn đâu.
Các vua dù tự tại,
Thế lực dầu vô song,
Tất cả đều biến diệt.
Thọ mạng cũng như thế.
Bánh xe khổ bao la,
Xoay chuyển mãi không ngừng.
Tam giới đều vô thường,
Các pháp chẳng gì vui.
Thật tướng của các pháp,
Tất cả đều hư vô.
Pháp dễ hoại lưu chuyển.
Thường có kẻ yếu đuối,
Lo sợ các chuyện dữ,
Khổ não, già, bệnh, chết.
Khổ não ấy vô biên.
Oán than pháp dễ hoại.
Bị phiền não ràng buộc,
Như tầm ở trong kén.
Sao người có trí tuệ,
Lại thích ở chỗ ấy?
Thân này do khổ thành,
Hết thấy đều dơ uest.
Bó cột các ung nhọt,
Thật sự, chẳng ít gì!
Lên đến thân chư Thiên,
Xem ra cũng như thế.
Dục vọng đều vô thường,
Nên ta chẳng tham luyến.
Lìa dục, cố nghĩ suy,
Để chúng được Chân đế”.

Thế nên, tôn giả Tân Đầu Lô nói với nhà vua rằng: “Đại vương nên quan sát kỹ. Có ngũ dục nào được trường tồn? Có ngôi báu nào được bền vững? Có đất nước nào không đổi thay? Có châu báu nào không mất mát? Có dục nào kéo dài không biến tan? Có xum họp nào không ly biệt? Tất cả thể tính của ngũ dục đều thật sự khổ, đều do vọng tưởng mà sinh ra lạc. Thế nên, ngôi vua cũng khổ không yên, như chuyện trong mơ, tỉnh ra, mới biết là hư huyễn. Vì vậy, người có trí tuệ nên sinh lòng chán nản xa lìa, chính vì biết rõ tất cả những gì diễn biến trong ngoài đều vô thường cả. Tuy sắc tướng của chúng xem ra có thể khác biệt, nhưng đều giống nhau ở điểm không trụ lại ở chỗ ấy trong mỗi sát na”.

Bởi vậy, kinh nói: “Do sắc khổ nên có mười thời kỳ khác nhau: một là thời kỳ tạo mô, hai là thời kỳ thành bong bóng, ba là thời kỳ mọng nước, bốn là thời kỳ thành khối thịt, năm là thời kỳ có tay chân, sáu là thời kỳ thành trẻ sơ sinh, bảy là thời kỳ thành trẻ con, tám là thời kỳ thành thiếu niên, chín là thời kỳ thành người lớn, mười là thời kỳ thành già yếu. Nếu không có các thời kỳ vô thường như thế, không thể từ mô đi đến già chết được. Vốn do ngọn lửa mạnh của tam độc thiêu đốt trong tâm, hừng hực không ngừng nên phải thọ khổ ấy”. (Theo kinh nói, con người cũng có nhiều giống nhau, như trên đã nói rõ trong thiên Tam giới, phần quảng diễn về bốn đại châu).

Thứ tám: PHẦN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược mười tám chuyện ứng nghiệm.

1. *Sách Xuân Thu Diễn Khổng Đồ* nói: “Khổng Tử cao mười thước, lớn chín vi, ngồi xổm oai như rồng châu, đứng vững như trâu buộc, bước tới hùng dũng như sao Ngang sao Đẩu”.

2. *Sách Ngô Việt Xuân Thu* nói: “Ngũ Tử Tư yết kiến Ngô vương Liêu. Vương Liêu thấy thần sắc Ngũ Tử Tư uy nghi rất đáng kính sợ: cao một trượng, lớn mười vi, hai mày cách nhau một thước. Vương Liêu cùng đàm luận suốt ba ngày. Sau khi từ biệt, vương không cho mời lại liền. Tử Tư biết nhà vua thích mình. Sau đó, mỗi lần vào đàm luận, cất tiếng hùng hồn rất có tráng khí”.

3. *Sách Lương Ký* nói: “Lữ Quang tự là Tử Minh, giao du với kẻ hiền tài, giúp đỡ các kẻ sĩ. Thân cao tám thước tư, khủy tay trái có bướu thịt gồ lên như cái ấn. Tính tình trang trọng, phẩm chất khoan dung, có độ lượng. Đương thời, không ai biết đến ông cả, chỉ có Vương Mãnh, lúc còn hàn vi, lấy làm lạ, bảo rằng: “Đây thật là kẻ phi phàm”.

4. *Sách Hà Đồ Ngọc Bản* nói: “Từ núi Côn Luân đi về phía Bắc chín vạn dặm thì đến nước Long Bá, người ở đấy cao mười trượng, sống đến một vạn tám ngàn năm mới chết. Từ núi Côn Luân đi về phía Đông thì đến nước Đại Tân, người ở đấy cao đến mười trượng. Từ đấy đi về phía Đông mười vạn dặm thì đến nước Diêu, người ở đấy cao ba trượng năm thước. Từ nước này đi về phía Đông mười vạn dặm thì đến nước Trung Tân, người ở đấy cao một trượng”.

5. *Sách Long Ngự Hà Đồ* nói: “Tận cùng bốn phương Đông Tây Nam Bắc của bầu trời đều có lính chánh ngạch đồng sắt, cao ba ngàn vạn trượng, đông đến ba ngàn ức vạn người. Tận cùng bốn phương Đông Tây Nam Bắc của bầu trời đều có lực sĩ cầm tử kim cương, cao ba ngàn vạn trượng, đông đến ba ngàn ức vạn người. Trong kinh đô Thái Bình giữa bầu trời, có lính giáp độ mặt sắt ăn quỳ sứ, cao ba ngàn vạn trượng, đông đến ba ngàn ức vạn người”.

6. *Truyện Hồng Phạm Ngũ Hành* nói: “Dưới thời Tần Thủy Hoàng, có người khổng lồ xuất hiện trên vùng trời Lâm Thao. Thân cao năm trượng, dấu chân sáu thước, mặc đồ mọi rợ. Nước Tần bàn tán: “Đừng quá thi hành chính sách mọi rợ, sẽ rước lấy thảm họa mà thôi!”.

7. *Sách Ngụy Chí* nói: “Người nước Thiên Trúc đều cao một trượng tám thước. Người nam nữ nước Xa Ly đều cao tám thước”.

8. *Sách Ngụy Chí* nói: “Năm Hàm Hy thứ hai, huyện Tương Vũ đồn có người khổng lồ xuất hiện, cao hơn ba trượng, dấu chân dài ba thước hai tấc, tóc bạch kim, mặc áo đơn màu vàng, đội khăn vàng, chống gậy tự xưng là vua của dân, cất tiếng nói rằng: “Từ nay được hưởng thái bình”.

9. *Kinh Thần Dị* nói: “Phía Đông Nam có người đi khắp thiên hạ, cao bảy thước, vòng bụng cũng như thế, đầu tóc bồm xồm, không ăn uống đồ thường. Sáng nuốt ba ngàn ác quỷ, chiều nuốt ba trăm. Nuốt ngọt không nghe tiếng. Người này lấy ác quỷ làm cơm, lấy móc sương làm nước, tên là Thiên Quách, một tên là Thực Tà, một tên nữa là Hoàng Phụ”. (Nay có quỷ Hoàng Phụ, do người đời phỏng theo người này mà gọi thế).

10. *Kinh Thần Dị* nói: “Ngoài biển Tây Bắc có người cao hai ngàn dặm, khoảng giữa hai chân xoạc ra cách nhau một ngàn dặm, vòng bụng lớn mười sáu ngàn dặm. Chỉ uống rượu năm thăng (tức là móc sương). Không ăn cơm gạo, cá thịt. Nếu đói, ngược lên trời hứng lấy móc sương là no. Thích ngao du sơn thủy, không làm hại dân chúng, không đụng chạm đến vạn vật. Sống lâu bằng trời đất, tên là Người không có đường

đi (do quá to lớn, không thể làm đường đi cho vừa). Còn tên là Nhân (vì biết giữ lễ, nên gọi là Người nhân). Còn tên là Tín (vì biết giữ lễ, nên gọi là Người tín). Lại còn tên là Thần (sống mãi không chết như trời đất, nên gọi là Người thần).

11. *Sách Thục Vương Bản Ký* nói: “Thời Tần Tương vương, quận Đẳng Cừ dâng lên Người cao, cao đến hai mươi lăm trượng sáu thước”.

12. *Sách Ngoại Quốc Đồ*: “Người nước Đại Tần cao một trượng năm thước. Tay dài như tay vượn, hông cũng dài, thích cưỡi lạc đà”.

13. *Sách Thi Hàm Thân Vụ* nói: “Cuối phía Đông Bắc có người cao chín tấc. Sách Quốc Ngữ nói là Khổng Tử bảo rằng người lùn Tiêu Nghiêu cao ba thước. Thật hết sức thấp vậy”.

14. *Truyện Tây Vực trong sách Ngụy Lược* nói: “Xứ người lùn ở phía Tây Bắc Khang Cư, nam nữ rất đông, đều cao ba thước, các bậc trưởng lão của Khang Cư đồn đãi rằng thỉnh thoảng có lái buôn lạc đường đến nước này. Trong đó, có nhiều loại ngọc: búi châu, dạ quang và minh châu. Họ ước lượng nước này cách Khang Cư chừng hơn vạn dặm”.

15. *Sách Ngụy Lược* nói: “Phía Nam xứ Oa có xứ người lùn loắt choắt. Người ở đấy cao khoảng ba, bốn thước. Cách xứ Nữ vương hơn bốn ngàn dặm”.

16. *Sách Ngoại Quốc Đồ* nói: “Người lùn xứ Tiêu Nghiêu cao chừng một thước sáu tấc, trước gió thì ngã ngửa, sau gió thì ngã sấp. Có đầy đủ mây mắt nhưng ngủ hoang. Một thuyết khác nói, người Tiêu Nghiêu cao ba thước. Cây cỏ ở đấy mùa Hạ rụi, mùa Đông mọc. Xứ ấy cách núi Cửu Nghi ba vạn dặm”.

17. *Sách Liệt Tử* nói: “Từ Trung Châu đi về Đông bốn mươi vạn dặm, gặp xứ Tiêu Nghiêu. Người ở đấy cao một thước năm tấc. Cuối phía Đông Bắc có giống người tên là Tịnh cao chín tấc. Vào năm Tần Thủy Hoàng thứ hai mươi sáu, có người khổng lồ, thân cao năm trượng, dấu chân sáu thước, các xứ mọi rợ đều thần phục. Gồm mười hai người xuất hiện ở Lâm Thao. Khổng Tử nói: “Người lùn Tiêu Nghiêu cao ba thước, thật đã thấp hết sức. Kẻ cao, chẳng qua mười thước, cũng đã quá mức. Nay lại có người cao đến năm trượng. Thế thì do vô loại sinh ra mà thôi”. Năm ấy vua Tần mới thôn tính sáu nước. Nghe tin, vui mừng, cho là điềm tốt. Sai đúc thành mười hai người bằng đồng để biểu dương. Rồi phía Nam, đi tuần thú Ngũ lân. Phía Bắc thì xây Trường Thành. Phía Tây đến Lâm Thao. Phía Đông đến Liêu Đông. Đi hết mấy ngàn

dặm. Như thế, người khổng lồ xuất hiện trước đây ở Lâm Thao là để báo hiệu loạn lạc sắp xảy ra. Mười hai năm sau, nhà Tần bị tiêu diệt”. (17 chuyện trên đây đều chép đúng theo trong các sách).

18. Vào năm Thủy Kiến Quốc thứ tư của Vương Mãng: (12 năm sau công nguyên), ở huyện Trì Dương có người bé tí tên Cảnh, cao chừng hơn 1 thước. Hoặc đi bộ, hoặc cưỡi xe, giữ gìn vụn vặt, không kể lớn nhỏ, đều tự xưng là “Ba ngày thôi”. Sách Quản Tử nói: “Đầm khô cạn mấy trăm năm, suối không có nước hoài thì sinh ra Khánh Ky. Khánh Ky có hình dáng như người, cao bốn tấc, đội mũ vàng, che lọng vàng, cưỡi ngựa nhỏ, thích đi nhanh. Gọi đúng tên, có thể nhờ được việc ở ngoài ngàn dặm. Còn có tên là Phán Báo. Thế thì người bé tí tên Cảnh ở Trì Dương chính là Khánh Ky chăng? Sách ấy còn nói: “Cục thủy tinh nhỏ khô queo sinh ra con trì. Con ấy có một đầu, hai mình. Hình dạng giống rắn, dài tám thước. Gọi đúng tên, có thể nhờ đi bắt giúp cá, ba ba. (Hai chuyện trên đây rút ra từ Sưu Thần Ký).

III. Bộ thứ 3: A TU LA

Gồm có bảy phần: Thuật ý, Hội danh, Trụ xứ, Nghiệp thân, Quyển thuộc, Y thực, Chiến đấu.

Thứ nhất: PHẦN THUẬT Ý

Than ôi! Luận về đường A-tu-la: sinh vào lối này, giỏi tài nịnh hót. Hoặc reo hò nổi loạn, hoặc cất quân xâm lăng. Hình dáng khổng lồ, bụng dạ đói khát. Tướng mạo thô bỉ, thường chứa giận hờn. Lêu nghêu đáng sợ, lụng thụng ghê người. Tám tay mọc chồng, ba đầu hiện đủ. Dẫm tuốt ngọc cao, đập tung biển cả. Nắm lấy mặt trời, bưng đám mây biếc. Thượng giới xin ăn, biển sâu chế rượu. Các loài như thế, cùng xin quy y. Sang tới các A-tu-la chúa, Thiểm bà lợi, gia quyến của Tỳ ma chất đa, bằng hứa của Khư la khiên đà, thậm chí đồng bọn của Bà trĩ la hầu, hàng ngũ của Xá-chi bạt đà, đều nguyện: chữa thói kiêu mạn, lìa tâm bốc tăng. Cung điện quang minh, đình tạ đầy đủ. Đẹp bỏ binh đao, ngăn chặn tham giận. Không còn đờn đao dao kiếm, hết tuyệt thống khổ triền miên. Hâm mộ Chánh pháp, khao khát Đại thừa. Trút bỏ thân thể xấu xí, thọ nhận sắc tướng đóa nghiêm. Giữ gìn lãnh thổ, che chở nước nhà. Xây đắp cõi Phật, phát triển Chánh pháp.

Thứ hai: PHẦN HỘI DANH

Sao gọi là đường A-tu-la? Theo luận Lập Thế A-tỳ-đàm giải thích rằng: “At tu la nghĩa là không biết phục thiện, không biết hạ mình. Lắng nghe các lời giáo hóa, lòng không lay chuyển, vì thói kiêu mạn gây ra. Nên mạnh mẽ chống trái điều thiện. Lại không phải là trời, nên gọi là A-tu-la”. Các kinh khác cũng gọi là A tu luân. Nay theo luận Tân Bà-sa nói: “Đúng âm từ Phạm ngữ là Tố lạc. Tố lạc là Trời. Loài ấy không phải là trời, nên gọi là A tố lạc”. Hơn nữa Tố-lạc gọi là đọa chánh. Loài ấy không đọa chánh, nên gọi là A-tố-lạc. Hơn nữa, kinh Trường A-hàm nói: “A-tu-la sinh con gái thì đọa chính, sinh con trai thì xấu, nên gọi là không đọa chính, hoặc gọi là không uống rượu. Về điều này có hai lối giải thích: một là do tiền kiếp giữ giới không uống rượu, nay còn lực của đời trước tu tập, nên gọi là không uống rượu, hai là tiền nhân vốn thích uống rượu. Đi khắp thiên hạ, hái hoa bỏ vào biển, ủ rượu không thành, hóa ra nước mặn. Vì không được rượu, khiến phải chừa bỏ, nên gọi là không uống rượu”. Luận Bà-sa nói: “Có người bảo A-tu-la thuộc về đường trời, nhưng vì ton hót, quanh co phức tạp nên không được chấp nhận. Có người bảo A-tu-la thuộc về đường quỷ, nhưng vì con gái là Xá-chi, nên cùng được chư Thiên giao du”. Thế nên, kinh Già Đà nói: “Có phần quỷ, có phần súc sinh, có phần Trời”. Kinh Chánh Pháp Niệm cũng nói: “Có phần quỷ, có phần súc sinh, có phần Trời yếu. Trời yếu, ấy là Tỳ ma chất đa. Tỳ ma chất đa ở đây nghĩa là âm hưởng cao, cũng có nghĩa là ở hang. Nghĩa là từ đáy biển lớn, phát ra âm thanh lớn, bảo rằng: “Ta là Tỳ ma chất đa”. Thế nên, gọi là âm hưởng cao, vì ở tận đáy biển, nên gọi là ở hang”.

Thứ ba: PHẦN TRỤ XỨ

Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “A-tu-la cư trú tại năm chỗ: một là tại trên mặt đất, trong núi Chúng Tượng. Sức lực của loài này yếu ớt nhất. Hai là tại phía Bắc núi Tu-di, đi xuống biển hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là La Hầu thống lãnh đám A-tu-la. Ba là, lại đi thêm hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là Tráng Kiện. Bốn là, lại đi thêm hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là Tràng Hoa. Năm là, lại đi thêm hai vạn một ngàn do tuần, có A-tu-la tên là Tỳ ma chất đa. Từ trong mình của A-tu-la này phát ra âm thanh rất lớn, xuyên suốt lên mặt biển, tự xưng: “Ta là A-tu-la Tỳ ma chất đa”. Thế nên mới gọi là âm hưởng cao”. Về mẹ của Tỳ ma thì kinh Trường A-hàm nói: “Vào thưở xa xưa, khi kiếp mới thành, có Trời Quang Âm xuống biển tắm

rửa, có một cục thủy tinh lọt vào mình, sinh ra cái trứng bằng thịt. Trải qua tám ngàn năm, trứng ấy sinh ra một người nữ, có thân thể lớn như núi Tu-di, có chín trăm chín mươi chín cái đầu. Mỗi cái đầu có một ngàn con mắt và có chín trăm chín mươi chín cái miệng, đặc biệt mỗi miệng chỉ có bốn răng. Trên răng phát ra lửa giống như sấm sét. Có hai mươi bốn chân và chín trăm chín mươi chín tay. Một đạo, người nữ này xuống biển nô đùa, một cục thủy tinh lọt vào mình, sinh ra cái trứng bằng thịt. Lại trải qua tám ngàn năm, trứng ấy sinh ra Tỳ ma chất đa, có chín cái đầu, mỗi đầu có một ngàn con mắt, miệng thì thường phun ra nước. Có chín trăm chín mươi chín tay nhưng chỉ có tám chân. A-tu-la Tỳ ma chất đa cưới con gái của Càn Thát Bà ở Hương Sơn sinh ra Xá-chi La Hầu. Xá-chi này là phu nhân của Đế-thích. A-tu-la La hầu cũng gọi là Che mặt trời. Mặt trời là tiền quân của Đế-thích, ra tay trước, phóng ánh sáng vào mặt A-tu-la, không cho phép thấy được chư Thiên. Vì thế, A-tu-la này lấy tay che mặt trời lại. Do có thế lực, A-tu-la này đã nhiều lần tranh luận cùng chư Thiên”.

Lại nữa, luận Tân Bà-sa có câu hỏi: “Các A tố lạc rút về ở đâu? Có người bảo: “Trong lòng núi Tu-di, có chỗ trống khuyết, giống như bồn quý úp xuống. Trong đó có thành trì, đây là chỗ cư trú của loài ấy”.

Hỏi: Vì sao kinh bảo rằng A tố lạc nói làng mạc do ta thống lãnh ở dưới đáy biển, mà chúa A tố lạc lại ở trong núi ấy?.

- Có người nói: “Dưới đáy biển có lâu đài lớn bằng vàng, cao rộng mỗi chiều năm trăm du thiên na, trên đó có thành trì, là chỗ cư trú của A tố lạc ấy. Chúa A tố lạc cũng có bốn khu vườn: một tên là Mừng vui, hai tên là Vui vẻ, ba tên là Vui nhất, bốn tên là Đáng yêu. Giống như Trời Tam thập tam có cây Ba lợi dạ đất la, chỗ cư trú của chúa A tố lạc cũng có cây như thế”.

Hỏi: Hình dáng A tố lạc ra sao?.

Đáp: Hình dáng thẳng đứng.

Hỏi: Tiếng nói ra sao?.

Đáp: Luôn nói tiếng Thánh.

Hỏi: “Thuộc về đường nào?”. Có người bảo: “Thuộc về đường trời”. Có người lại bảo: “Thuộc về đường quý”.

Lại nữa, kinh Khởi Thế nói: “Cách phía Đông núi Tu-di hơn một ngàn do tuần, ở dưới đáy biển, là quốc độ của chúa A-tu-la Tỳ ma chất đa tọa lạc. Ngang dọc rộng tám vạn do tuần, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới gắn lục lạc bằng vàng bạc. Phía ngoài có bảy lớp hàng cây Đa la. Tất

cả đều làm bằng bảy loại bảo vật trần thiết trang nghiêm không thể kể hết. Trong thành lớn có riêng một cung điện tên là Thiết ma bà sí, phạm vi của cung điện rộng một vạn do tuần, có bảy lớp tường thành làm bằng bảy loại bảo vật, cao một trăm do tuần, dày năm mươi do tuần, có vườn ao hoa quả, chim chóc hòa ca (kinh đã nói rộng, không cần phải chép lạ rườm rà). Cách phía Nam núi chúa Tu-di hơn một ngàn do tuần, ở dưới đáy biển, có cung điện của chúa A-tu-la nháy nhót, lãnh thổ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần. Cách phía Tây núi chúa Tu-di hơn một ngàn do tuần, có cung điện của chúa A-tu-la Xa bà la, lãnh thổ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần. Cách phía Bắc núi chúa Tu-di hơn một ngàn do tuần, ở dưới đáy biển, có cung điện của chúa A-tu-la La hầu la, lãnh thổ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần (chỗ cư trú cũng đẹp đẽ như đã nói ở trên). Tại kinh thành của chúa loài Ma bà cứ trú, có chỗ tụ họp của chúa A-tu-la La hầu la, cũng tên là Bảy đầu. Chỗ này ngang dọc rộng tám vạn do tuần, có bảy lớp tường thành, bảy lớp lan can, đều làm bằng bảy loại bảo vật. Bốn phía cận kề đều có rất nhiều A-tu-la nhỏ, không thể kể hết (kinh đã nói đầy đủ).

Thứ tư: PHẦN NGHIỆP NHÂN

Theo trong kinh Nghiệp Báo Sai Biệt có nói đầy đủ về mười nghiệp phải chịu quả báo A-tu-la: một là thân làm các việc ác nhỏ, hai là miệng làm các việc ác nhỏ, ba là ý làm các việc ác nhỏ, bốn là nổi lên kiêu mạn, năm là nổi lên ngã mạn, sáu là nổi lên tăng thượng mạn, bảy là nổi lên mạn lớn, tám là nổi lên mạn tà, chín là nổi lên mạn quá mạn, mười là đem các thiện căn hồi hướng về đường A-tu-la. Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm diễn rộng, phần nhiều do ba loại nghiệp nhân sân, mạn và nghi bắt phải chịu quả báo sinh vào đường ấy.

Hơn nữa, kinh Tạp A-hàm nói: “Vào thời tiền kiếp, A-tu-la từng làm người nghèo ở gần bên sông, thường vác củi qua sông. Bấy giờ, nước sông sâu lại chảy xiết. Người ấy mấy lần bị nước cuốn phăng đi sắp chết, may mắn thoát được. Có vị Phật Bích Chi đến nhà khuất thực, người ấy vui vẻ cúng dường. Thọ thực xong, liền bay mất lên trời. Người nghèo khổ ấy thấy vậy, bèn phát tâm nguyện rằng: “Kiếp sau, xin cho thân thể của tôi lớn lao đến nỗi bất cứ dòng nước nào cũng không ngập quá đầu gối!”. Nhờ nhân duyên này, A-tu-la có được thân thể rất khổng lồ. Nước bốn biển lớn không ngập quá đầu gối, đứng trong biển lớn, thân vượt lên khỏi núi Tu-di. Chống tay vào đỉnh núi, khom mình xuống nhìn Trời Đao lợi”.

Thứ năm: PHẦN QUYẾN THUỘC

Theo kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Vị thứ nhất là chúa A-tu-la La hầu. Chúa này có bốn ngọc nữ, do tưởng nhớ sinh ra: một tên là Như bóng, hai tên là Các hương, ba tên là Rừng đẹp, bốn tên là Đức hơn. Trong bốn ngọc nữ này, mỗi một vị đều có mười hai ức thị nữ để làm gia quyến. Tất cả đều vây quanh chúa A-tu-la, cùng nhau vui chơi, mặc sức hưởng lạc, không thể nào nói hết được. Vị thứ hai tên là Tráng Kiện, gia quyến có uy thế trội hơn. Vị thứ ba tên là Tràng Hoa, gia quyến có uy thế càng trội hơn. Vị thứ tư tên là Tỳ ma chất đa, gia quyến có uy thế trội hơn gấp đôi, càng không thể nói hết. Cho nên, sự cách biệt giữa sang hèn, không thể luận xem như nhau được”.

Thứ sáu: PHẦN Y THỰC

Nếu theo kinh Chánh Pháp Niệm nói, nhu cầu y phục, ăn uống của A-tu-la có sẵn tự nhiên. Mũ dải, áo quần thuần bằng bảy loại bảo vật đẹp đẽ, tinh khiết như chư Thiên. Các thức ăn, tùy theo ý thích mà hiện ra, có đầy đủ vị ngon, không thua kém của chư Thiên. Như các luận lớn nói, y phục và thức ăn của A-tu-la tuy hơn người, nhưng khi ăn thì không bằng người. Nghĩa là, trong hết thảy mọi bữa ăn của A-tu-la, đến miếng cuối cùng, đều phải biến thành bùn xanh. Cũng như Long vương, tuy ăn đủ trăm món, nhưng đến miếng cuối cùng, đều phải biến thành cóc nhái. Vì thế, kinh mới nói không bằng người.

Thứ bảy: PHẦN CHIẾN ĐẤU

Như kinh Tăng-nhất-A-hàm nói: “Bấy giờ, đức Thế-tôn bảo các Tỳ-kheo, thọ được hình dáng khổng lồ, không ai hơn chúa A-tu-la. Thân thể cao lớn hơn tám vạn bốn ngàn do diên. Miệng rộng hàng ngàn do tuần. Một khi muốn xâm phạm mặt trời, lại hóa thân lớn thêm một ngàn sáu vạn do tuần, rồi xuống trước mặt trời, vua Mặt trời Mặt trăng thấy thế đều mang lòng sợ hãi, bồn chồn không yên chỗ, vì hình dáng đáng khiếp ấy. Tuy vua Mặt trời Mặt trăng sợ hãi không phát ra ánh sáng, nhưng chúa A-tu-la không dám xông đến chụp bắt. Tại sao thế? Vì vua Mặt trời Mặt trăng đầy đủ uy đức, có thần lực lớn, thọ mạng hết sức lâu dài. Tướng mạo đoan chính, hưởng thụ lạc quả vô cùng, lên đến một kiếp. Hơn nữa, ở đấy còn nhiều chúng sinh đem phước lực che chở, khiến vua Mặt trời Mặt trăng không bị khổ não vì chúa A-tu-la xâm lăng. Lúc ấy, chúa A-tu-la đâm ra ưu sầu, liền chết ở đấy”.

Lại nữa, kinh Trường A-hàm nói: “Vì chúa A-tu-la có rất nhiều

uy lực, nên suy nghĩ rằng: “Thiên vương Trời Đao lợi và các vua Mặt trời Mặt trăng cứ đi lại trên đầu ta hoài. Ta thể sẽ bắt vua Mặt trời Mặt trăng để làm đôi bông tai!”. Càng nghĩ, càng giận dữ muốn ra tay. Liền sai hai chúa A-tu-la Xá ma lê và Tỳ ma chất đa cùng các đại thần sửa soạn khí giới, kéo nhau đi đánh chư Thiên. Bấy giờ, hai Long vương lớn là Nan đà và Bạt nan đà lấy thân mình quấn bảy vòng quanh núi chúa Tu-di, làm rung chuyển cả núi và kéo mây giăng đầy, quấy đuôi dậy sóng, nước văng tung tóe lên khắp núi chúa. Trời Đao lợi nói: “A-tu-la sắp gây chiến. Các Long vương, quý thần hãy cầm binh khí lần lượt giao phong, nếu thua mới bỏ chạy!”. Bốn Thiên vương vũ trang chuẩn bị lâm chiến, trước tiên vào báo động cùng Đế-thích, Đế-thích báo động lên Trời Tha hóa tự tại, cho đến vô số chư Thiên khác, cùng các Long thần, quỷ sứ. Tất cả đều vây kín trước sau. Đế-thích ra lệnh: “Nếu quân ta thắng, hãy lấy năm sợi dây trói chặt A-tu-la Tỳ ma chất đa giải về Thiện pháp đường. Ta muốn xem nó thế nào!”. A-tu-la cũng nói: “Nếu bọn ta thắng, cũng lấy năm sợi dây trói chặt Đế-thích giải về Thất diệp đường. Ta muốn xem nó thế nào!”. Quyết chiến một trận, hai bên đều không bị thương, nhưng do thân thể va chạm nhau, gây ra đau đớn khổ sở. Đế-thích liền biến ra nghìn mắt, tay cầm chày kim cương, đầu phun ra khói lửa phừng phực, A-tu-la trông thấy bèn bỏ chạy, Tỳ ma chất đa bị bắt trói giải về. Trông thấy Đế-thích, liền buông lời mắng nhiếc. Đế-thích liền trả lời: “Ta muốn cùng nhà ngươi nói chuyện đạo nghĩa, cần gì phải dùng lời thô lỗ làm tuổi trời ngàn năm giảm nhiều tăng ít? Nhà ngươi đã phá giới, đem ác tâm gây chiến, dù đã tu nhiều hạnh bố thí, nhưng vì kiêu mạn như thế, nên đành phải thọ lấy báo thân này”. (Các kinh khác cho rằng vì đem tâm nịnh hót tu hạnh phước đức nên phải thọ lấy báo thân này).

Kinh Quán Phật Tam Muội nói: “Mẹ của chúa A-tu-la Tỳ ma chất đa ăn theo lối quỷ, chỉ toàn sinh lầy và rễ ngó sen. Con trai bà ấy lớn lên, thấy các thể nữ xinh đẹp vây quanh chư Thiên, liền thưa mẹ rằng: “Người ta đều có lứa đôi, sao con chỉ cô độc một mình?”. Bà ấy trả lời: “Thần núi Hương là Càn thát bà có con gái nhan sắc mỹ miều, trắng trẻo hơn bạch ngọc, các lỗ chân lông trên mình đều phát ra tiếng nhạc du dương. Mẹ rất đẹp lòng, nay sẽ đi hỏi cưới cho con, con có vừa ý không?”. A-tu-la nói: “Hay quá! Hay quá! Xin mẹ đi hỏi cưới cho con!”. Bấy giờ, mẹ của A-tu-la ấy đi đến núi Hương, bảo với thần âm nhạc ấy rằng: “Ta có một đứa con trai, đầy đủ thần thông tự tại, khắp bốn châu lớn, chẳng ai sánh bằng. Ông có cô con gái lớn, thật xứng đôi

với con của ta”. Con gái của thần ấy nghe xong, xin vui lòng về làm dâu. A-tu-la cưới cô gái ấy chưa được bao lâu, liền mang thai. Trải qua tám ngàn năm sinh ra một cô con gái, dung nhan đoan chính lạ thường. Trên trời dưới thế, không ai có thể sánh bằng. Trên mặt có tám vạn bốn ngàn nét đẹp, bên phải, bên trái đều có tám vạn bốn ngàn nét đẹp, trước sau cũng thế. A-tu-la trông thấy cho là tuyệt diệu, như trăng ngự giữ ngàn sao, thật là độc đáo. Kiêu thi ca nghe tiếng, cưới về làm vợ. A-tu-la vui mừng đồng ý gả cho. Đế-thích đặt tên là Đẹp ý. Chư Thiên trông thấy ca tụng là đẹp chưa từng thấy, đâm ra ngẩn ngơ. Nhìn bên đông quên bên tây, nhìn phía nam quên phía bắc, đến nỗi tóc lông đều sinh vui mừng. Một hôm Đế-thích vào vườn Vui vẻ, cùng các thể nữ xuống ao chơi. Bấy giờ, Đẹp ý nổi ghen, sai năm trăm Dạ-xoa chạy đi báo với A-tu-la cha rằng: “Nay Đế-thích không sùng ái con nữa, cùng các thể nữ thỏa thích vui chơi”. A-tu-la nghe xong, sinh lòng giận dữ, liền kéo bốn đạo quân đi đánh Đế-thích. Đứng trên biển lớn, chống chân trên đỉnh núi Tu-di, chín trăm chín mươi chín con mắt cùng hiện ra một lượt, lay thành Hỷ Kiến, lắc núi Tu-di, khiến cho bốn biển lớn nhất tê dậy sóng. Đế-thích kinh hoảng, không biết chạy đi đâu. Bấy giờ có vị thần bảo Đế-thích rằng: “Xin chớ kinh hoảng nhiều. Ngày xưa, Phật có dạy thần chú Bát nhã ba la mật. Thiên vương nên trì tụng, quỷ binh sẽ tự tan rã”. Lúc ấy, Đế-thích ngồi trên Thiện pháp đường, đốt các loại danh hương, phát ra lời thệ nguyện lớn: “Bát nhã ba la mật là thần chú rất sáng láng, là thần chú cao siêu nhất, là thần chú không thể sánh nổi, chân thật không hư huyền. Nay ta tụng trì, sẽ thành tựu Phật đạo, khiến cho A-tu-la tự nhiên giải tán”. Phát nguyện như thế xong, do công đức của Đế-thích, giữa không trung bỗng nhiên có rừng dao rơi xuống trên mình A-tu-la. Bấy giờ, tai, mũi, chân tay của A-tu-la tự nhiên rụng sạch, làm cho nước biển lớn đỏ hồng như ngọc trai. A-tu-la đâm ra kinh hoàng. Không biết chạy trốn đi đâu, bèn chui tuốt vào ống tơ của ngó sen”.

NHÂN DUYÊN CẢM ỨNG

Trích dẫn sơ lược ba chuyện linh nghiệm.

1. *Sách Tây Quốc Chí* nói: “Trong khe núi đá về phía Tây Nam nước Chiêm Bà ở Trung Ấn có hang của A-tu-la. Người nọ nhân lên núi tu hành, gặp hang ấy liền vào bên trong. Thấy được chốn cung điện của A-tu-la, các loài hoa tuyệt đẹp như trên thiên cung, vườn tược ao hồ, cây trái đủ thứ, không thể nào kể hết. Bọn A-tu-la thấy người nọ

đi một mình liền bảo: “Nhà người có thể ở đây lâu không?”. Người nọ trả lời: “Tôi sắp về nhà, không thể ở lâu”. A-tu-la thấy không ở lâu, bèn đưa cho một trái đào ăn xong, mới nói: “Nhà người nên đi ra thật nhanh, sợ thân hình hóa lớn, hang không chứa nổi!”. Nghe dứt lời ấy, người nọ vội vàng chạy ra, nhưng thân thể bỗng nhiên hóa lớn, tướng mạo trở thành thô tháp. Đầu vừa chui khỏi, thân hình quá lớn đã lấp kín miệng hang, bị mắc kẹt lại, không tài nào chui hết ra được. Từ đó về sau, gần mấy trăm năm, chỉ thấy lộ ra cái đầu lớn như cái lu chứa ba tạ. Có người trông thấy, hỏi chuyện. Người nọ kể rõ nhân duyên. Người ấy thương quá, nói rằng: “Bọn tôi sẽ đào đá cho thân ông chui ra, liệu thể được chăng?”. Đáp rằng: “Ồn đức biết mấy!”. Người ấy đem câu chuyện và ý kiến tâu rõ lên nhà vua. Vua tôi cùng nhau bàn luận: “Đây là kẻ phi phạm, sức địch ngàn người. Nay đào đá giúp cho chui ra, lỡ có ý đồ không tốt, ai có thể chống nổi?”. Vì thế, vẫn để yên như cũ. Người đương thời gọi là Ông tiên to đầu. Sứ giả nhà Đường là Vương Huyền Sách đã ba lần đến đó, lấy tay sờ đầu, cùng nhau nói chuyện vanh vách rõ ràng. Gần đây, có lửa hoang tàn trong núi bốc cháy sém đen cả đầu, nhưng không chết”.

Tây Quốc Chí gồm sáu mươi quyển, do triều đình soạn thuật. Nhà vua xuống sắc sai các họa sĩ vẽ tranh minh họa, cùng hợp nhau làm việc ở trung đài. Còn lại bốn mươi quyển, bắt đầu làm từ năm Tân Sửu thứ hai đến cuối mùa hạ năm Canh Thìn nguyên niên mới hoàn thành. Ta gặp Vương Huyền Sách, được ông ấy đem chuyện này kể lại cho nghe.

2. *Lại nữa, truyện Huyền Trang Pháp sư nói:* “Nước Đà Na Yết Trách Ca thuộc vùng Nam Ấn. Hai phía Đông, Tây của kinh thành dựa vào chốn núi non, đều có cảnh Tùng Lâm. Trong đó, có Luận sư Bà Tỳ Phệ Già (đời Đường dịch là Minh Biện), thường ngồi trước tượng Bồ tát Quán tự tại (đời Tấn dịch là Quán Thế Âm), tuyệt thực, chỉ uống nước, suốt ba năm, lập chí cầu nguyện được gặp Bồ tát Di-lặc. Vì thế, Bồ tát Quán tự tại hiện ra, bảo đến trước tượng lực sĩ cầm chày kim cương trong hàng lớn phía Nam kinh thành, trì tụng chú kim cương. Đủ ba năm, lực sĩ kim cương hiện ra dặn dò: “Trong hang đá này có cung điện của A-tu-lạc (đời Tấn gọi là cung điện của A-tu-la). Theo đúng phép mà cầu xin, vách đá sẽ mở. Hãy lập tức vào trong, chờ Di-lặc hiện xuống. Ta sẽ thông báo dùm cho”. Lại trải qua ba năm, miệng tụng chú, tay ném hạt cải vào vách đá. Bỗng nhiên vách đá mở toang ra. Bấy giờ, có hàng trăm nghìn vạn người đi xem, đều kinh hoàng thán phục. Luận sư chặn

chân lên miệng hang, quay lại mấy lượt, bảo mọi người cùng vào. Chỉ có sáu người vào theo, số còn lại bảo đây là hang rắn độc, không dám bước vào. Luận sư vừa vào xong, miệng hang lập tức khép lại, liền lạc y như vách đá trước đây”.

3. *Lại nữa, Pháp sư Huyền Trang nói:* vào năm Trinh Quan thứ 13, Trang tôi đang ở chùa Na Lạp Đà tại nước Ma Ca Đà thuộc Trung Ấn, gặp một người thế gian kể lại rằng: “Có kẻ hiếu sắc nọ, nhân thấy kinh nói A-tu-la sinh ra con trai rất xấu, sinh con gái lại đoan chính. Nghe đồn trong núi kia có động A-tu-la gồm cả cung điện rất đẹp để lạ lòng, giống hệt cảnh tượng trên trời. Kẻ ấy mơ tưởng đến chuyện dâm dục, mong được gặp nữ A-tu-la, cùng sánh lứa đôi. Do đó, thường xuyên trì tụng thần chú rờn rã suốt ba năm. Gần mãn hạn, liền được toại nguyện. Trước tiên, đem thử cho đệ tử và thân hữu thấy khả năng linh ứng. Khi sắp ra đi, kẻ ấy gọi đệ tử cùng lên đường. Đệ tử tin tưởng cũng đi theo. Chú đã hiệu nghiệm, bèn vào được cửa cung, có người giữ cửa rất nghiêm, phải đem thành tâm năn nỉ nhờ thông báo với phu nhân. Người này mới vào trình bày giúp mọi chuyện. Nữ A-tu-la vui mừng hơn hở, bảo rằng: “Mấy người đi đến?”. Thưa rằng: “Hai người”. Nữ A-tu-la căn dặn: “Cho người trì chú được vào, kẻ tùy tùng tạm chờ ngoài cửa”. Người giữ cửa ra thông báo: “Đưa người trì chú vào trong”. Khi đệ tử thấy thầy được dẫn vào xong, không ngờ mình cũng đã về đến nhà rồi, đang đứng trước cửa phía Nam. Từ đó về sau, không còn nghe tin của kẻ ấy. Nhân thế, đệ tử phát tâm xuất gia cầu đạo, tình nguyện ở chùa thờ phụng Tam bảo. Chính miệng người thế gian ấy kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Pháp sư Huyền Trang nghe.

